

BÓNG MÂY TÌNH YÊU
LOVE FOUND AND LOST

*Nguyên tác * Nữ nghệ sĩ KIM VUI*

PHAN LÊ DŨNG *chuyển ngữ*

TIẾNG QUÊ HƯƠNG xuất bản

Mẫu bìa và trình bày : TỬ PHONG

In lần thứ nhất tại Hoa Kỳ * Virginia 2023

Dịch giả giữ bản quyền

4 * BÓNG MÂY TÌNH YÊU

KIM VUI

• PHAN LÊ DŨNG
chuyên ngữ

Bóng Mây
TÌNH YÊU

• Hồi Ký



6 * BÓNG MÂY TÌNH YÊU

Về những trang hồi ký
LOVE FOUND AND LOST

BÓNG MÂY TÌNH YÊU

• PHAN LÊ DŨNG

Nếu muốn họa lại những bức tranh quá khứ, để tìm về con người mình ở các chân trời cũ, một nghệ sĩ sẽ chọn cách nào?

Với Kim Vui, âm nhạc và tình yêu là chọn lựa hiển nhiên. *Bóng Mây Tình Yêu* mở đầu bằng hai tình yêu sâu đậm, đã mất khi Kim Vui nhìn lại lúc cuối đời.

Lời Mở Đầu *Bóng Mây Tình Yêu* là nốt nhạc dạo rung động, sâu lắng nhất tạo bối cảnh cảm xúc và mở lối cho những rung cảm sâu hơn, mạnh mẽ hơn, khai mở những gì tiềm ẩn trong tâm suốt cuộc đời nghệ sĩ.

Khác với Kiều Chinh, tuy là tài tử chính trong nhiều phim như *Thương Hận, Cúi Mặt, Chân Trời Tím...*, tài tử Kim Vui bước vào đường nghệ thuật bằng tiếng hát. Trước khi trở thành ca sĩ tài danh, Kim Vui đã hát giúp vui cho các cụ già trong xóm, cho các đám cưới quanh làng, đã trình diễn chuyên nghiệp khi giọng còn chưa vỡ hẳn và luôn có người nhà đi kèm trông chừng mỗi khi trình diễn..

Nhưng *Bóng Mây Tình Yêu* không chỉ là hồi ký của một nghệ sĩ thao thức với đam mê nghệ thuật, Kim Vui đã ghi lại nhiều cảnh bạo loạn của buổi giao thời. Ký ức sớm nhất được kể từ cô bé Kim Vui là cuộc chạy loạn từ Sài Gòn về Trà Vinh trên con tàu tị nạn theo dòng Cửu Long bao la, tiến dần về vùng quê không ai tiếp đón, ngủ đêm ở chợ hoang, tiếp xúc với những kẻ

*KIM VUI * 7*

cướp mượn danh yêu nước chống Pháp để cướp của, giết người, với các thổ phỉ Miên man rợ giết người bằng dao rựa. Ngoài ký ức rùng rợn về chuyến đi tị nạn, Kim Vui còn chính mắt chứng kiến cảnh lính Pháp tiến vào làng quê Trà Vinh giết người, hãm hiếp, cảnh cộng sản tiến vào làng lôi kéo dân làng ủng hộ.

Song song với cảnh tao loạn bên ngoài, cuộc đời, Kim Vui cũng trắc trở không kém.

Từng có lúc cô bé Kim Vui vô gia cư đứng trước tiệm Phở ngửi mùi phở rồi lặng lẽ quay đi vì không có một đồng dính túi. Từng có lúc người mẹ Kim Vui phải trèo cửa sổ vào nhà đỡ con. Cuộc đời Kim Vui là một điệp khúc sống động vẽ lại các cảnh hà khắc gia đình và xã hội đã được Nhất Linh, Khái Hưng tiểu thuyết hóa trong nhiều tác phẩm Tự Lực Văn Đoàn.

Điểm khác biệt giữa Kim Vui và những nhân vật trong Tự Lực Văn Đoàn là Tiếng Hát. Kim Vui đã tìm được lối thoát qua nghệ thuật. Hát đã đem lại cho Kim Vui một thế giới quan xa hơn, sâu hơn và lạ lùng thay lại gần gũi hơn với các biến động lịch sử. Kim Vui đã trình diễn ở các nhà thờ khi người biểu tình ùa vào giết giáo dân, đã trình diễn gần tổng thống Diệm khi ông bị ám sát hụt, đã bị buộc ngồi chung bàn và trình diễn cho các tay anh chị trong băng đảng Bình Xuyên.

Hơn thế nữa, tiếng hát còn đưa Kim Vui đi sâu hơn hoạt động Công Dân Vụ tại các miền quê thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Sinh hoạt văn nghệ của Kim Vui gắn liền với đời sống chính trị thời Đệ Nhị Cộng Hòa qua nhiều chuyện của khách tại các hộp đêm, vũ trường. Kim Vui là một nghệ sĩ với đôi tai sắc bén của một người theo dõi thời sự.

Bóng Mây Tình Yêu cũng viết về *Chân Trời Tím*, một thế giới gần như phản ảnh cuộc sống thực ngoài đời Kim Vui. Người yêu của Kim Vui cũng xông pha bốn vùng chiến thuật, chọt đến, chọt đi, nhiều lần ngay

lúc Kim Vui đang trình diễn.

Không thể và cũng không có thời gian diễn tả cảm xúc các lần gặp nhưng thực sự không gặp đó, Kim Vui đã gửi gắm tâm sự vào bài *Nỗi Lòng, yêu ai yêu cả một đời ...* và cương quyết bắt băng nhạc phải đổi thời khóa biểu, đưa bài *Nỗi Lòng* làm bài hát kế tiếp ngay, bất kể thời khóa biểu đã sắp bài gì trước đó. Suốt các thập niên từ 1950 đến 1970, Kim Vui sống bằng *Tiếng Hát* theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Tiếng hát vừa là lối thoát giải tỏa áp lực tinh thần, vừa là nguồn thu giúp Kim Vui có một thể đứng tương đối vững như trụ cột chính gia đình. Không chỉ có thế, Tiếng Hát còn dìu dắt, vỗ về Kim Vui trong các tình cảnh khốn quẫn, đồng thời nâng cao tầm nhìn của Kim Vui vượt trên sự hạn hẹp của đời sống sân khấu để chứng kiến cảnh đau xót, chia lìa, tủi nhục của một xã hội giữa chiến tranh.

Nếu có người hỏi nên đọc *Bóng Mây Tình Yêu* thế nào, tôi đoán Kim Vui sẽ trả lời: Đây là bài hát cuối của Kim Vui, soạn thảo bằng tất cả chất liệu thực của đời mình, để tặng khán giả.

Bóng Mây Tình Yêu là một bản trường ca nói lên *Nỗi Lòng* của đứa bé thơ ngây trên đường tị nạn chiến tranh với điệp khúc buồn bã đau thương và kết thúc bằng đôi mắt buồn của một người di tản lưu vong nhìn qua đại dương tâm hồn để tìm lại những gì đã mất.

Nếu *Nỗi Lòng* từng là bài ca Kim Vui dành riêng tặng người yêu những ngày chiến tranh khói lửa, thì *Bóng Mây Tình Yêu* là bài ca về *Nỗi Lòng* truyền cảm, sâu sắc nhất Kim Vui dành cho độc giả Việt Nam: *Nỗi Lòng* một nghệ sĩ sinh trưởng giữa giai đoạn máu lửa tang tóc nhất của đất nước Việt Nam trong thế kỷ 20.

Falls Church 29-3-2023

• PHAN LÊ DŨNG

*KIM VUI * 9*

10 * *BÓNG MÂY TÌNH YÊU*



MỤC LỤC

Phan Lê Dũng * Trang 07

Về những trang hồi ký
Bóng Mây Tình Yêu

Kim Vui * Trang 17

Lời Mở Đầu



Chương 01 * Trang 23

Trốn về Trà Vinh

Chương 02 * Trang 43

Trở Về Sài Gòn

Chương 03 * Trang 59

Người Mẹ Trẻ

Chương 04 * Trang 75

Cuộc Hôn Nhân

Sắp Đặt

Chương 05 * Trang 93

Tình Yêu Tìm Được

Chương 06 * Trang 113

Tình Yêu Siết Chặt

Chương 07 * Trang 133

Tình Yêu Căng Thẳng

Chương 08 * Trang 145

Tình Yêu Khuất Lấp

Chương 09 * Trang 161

Điều Chính

Chương 10 * Trang 177

Trôi Nổi

Chương 11 * Trang 191

Chân Trời Tím

Chương 12 * Trang 201

Từ Biệt Việt Nam

Chương 13 * Trang 221

Trốn Khỏi Teheran

Chương 14 * Trang 237

Sự Tương Đối

Lời hậu luận * Trang 253

Chắp Vá



14 * *BÓNG MÂY TÌNH YÊU*

– Kính dâng Mẹ
chào đời tại Trà Vinh,
an nghỉ tại Virginia.

• KIM VUI



*KIM VUI * 15*

16 * *BÓNG MÂY TÌNH YÊU*

LỜI MỞ ĐẦU

• KIM VUI

Tôi sinh ra trong thời chiến. Năm đó là năm 1939, khi Nhật đã giao tranh ở Trung Hoa, một thời gian ngắn trước khi các sử gia Áu Châu lấy làm năm khởi đầu Đệ Nhị Thế Chiến.

Khi tôi chỉ là một cô bé, một số người Việt đã chiến đấu không để Việt Nam một lần nữa biến thành thuộc địa của Pháp trong khi một số khác ủng hộ chính phủ bù nhìn làm tay sai cho ngoại quốc.

Gần như không chút ngừng nghỉ, tôi trưởng thành, trở thành một thiếu nữ, một người mẹ, một ca sĩ và một tài tử trong giai đoạn người Mỹ có những hoạt động dân sự, quân sự ở Việt Nam.

Lúc tôi còn bé, chiến tranh đã có ảnh hưởng lớn với mọi quyết định của Ba Má tôi. Chỉ vài năm sau, điều đó cũng đúng với tôi. Dời gia đình từ Sài Gòn đến Đà Lạt, một nơi tương đối được cho là an toàn hơn, rồi lại rời Việt Nam khoảng gần 10 năm sau, lúc nào cũng phải lo lắng cho sự an toàn của các con tôi, cuộc đời tôi phản ảnh nhiều vấn đề và những kinh nghiệm đã khiến hàng triệu người Việt Nam phải khốn khổ. Tất cả những gì xảy ra suốt các năm đó đã tạo nên hình thể cuộc đời tôi, ngay đến ngày nay, khi tôi đang cố nhớ lại những gì trong ký ức để kể lại cho các bạn.

Nhiều người quan sát đã cho nghệ sĩ là những người quá để ý đến mình và nông cạn. Nghệ sĩ ít nhạy cảm với những biến cố quan trọng và mức căng thẳng xã hội, chính trị quanh họ.

Điều này, không đúng với tôi.

Thực ra, tôi tin là với các nghệ nhân thành danh như chúng tôi, danh vọng rút ra từ thành quả về nghệ thuật, thể thao hoặc bất kỳ lãnh vực nào đều đòi hỏi phải có cố gắng, lúc nào cũng đi đôi với một trách nhiệm đặc biệt.

Chúng tôi phải quan sát sâu sắc, tế nhị, đôi khi phải biết an ủi người khác. Danh vọng khiến mọi chọn lựa của chúng tôi trên phương diện xã hội hoặc ngay cả biểu cảm chính trị, cũng đều có thêm cân lượng khác với người thường. Vì có thể là những phần tử tích cực của xã hội, chúng tôi cần phải thận trọng.

Là một ca sĩ có tiếng, rồi tài tử và đôi khi là họa sĩ, tôi thấy sự diễn xuất và các sáng tác của tôi lúc nào cũng nằm trong nội dung của quốc gia Việt Nam. Tôi có hát một số bài hát ngoại quốc, nhưng đa số nhạc, và các vai diễn xuất trong phim của tôi, không tách rời với cuộc đời của mọi người Việt Nam khác.

Hơn nữa, danh tiếng có được nhờ ngoại hình và phong cách đã cho tôi cơ hội hiểu biết về nhiều biến cố đương thời và biết tự định khát vọng sao cho tương ứng với khả năng. Tôi không chỉ là một khuôn mặt đẹp với cái đầu trống rỗng.

Khi nhìn lại, tôi đã hết sức hối tiếc, vì tuy quan sát nhạy cảm, tôi đã không tham gia các hoạt động phát triển chính trị. Tôi luôn đặt gia đình trên mọi thứ, và vì mong mỏi của cha mẹ chúng tôi, đây là trường hợp điển hình đối với đa số đàn bà Việt Nam.

Tôi không biết tại một nước Việt Nam mới, hoặc với những người Việt Nam sống ở Mỹ, đặc tính văn hoá đó có thay đổi không, nhưng đặc tính đó quả là điều xác thực và phổ biến với thế hệ tôi.

Lúc này dù đang sống ở Mỹ, ký ức về Việt Nam vẫn cuộn chặt tạm trí tôi. Tôi yêu và lo nghĩ về Việt Nam, nơi tôi sinh trưởng. Tôi cũng yêu và lo nghĩ về tương lai của Hoa Kỳ, nơi đã cho tôi quyền công dân.

Với những người sinh ở Việt Nam, sau đó trở thành công dân Mỹ, tôi cũng hiểu sự tiếp cận với đời sống mới có thể lóng ngóng, và hơn nữa, có thể đau buồn. Thay vì thích nghi với đời sống khác biệt mới, người ta thường thích mang các nếp cũ vào đời sống mới. Một số người còn cho họ là các tiền đồn ở men rìa xã hội Mỹ, và sự thay đổi từ các tiền đồn đó có thể toả dần vào bên trong nước Mỹ.

Chúng ta cần tự hỏi: Ta nên nhìn vào quá khứ để xây dựng hay để lẫn tránh?

Với những con em ra đời trên vùng đất mới, nền tảng nề nếp cũ có ích chăng?

Chúng ta nên trở ngược về nếp suy nghĩ của quá khứ hay nên là người Mỹ mới?

Chúng ta là người Việt trở thành người Mỹ gốc Việt có thể giúp những người mới đến vượt qua giai đoạn chuyển tiếp. Nếu có một số nào đó không được lý tưởng thúc đẩy, đã lợi dụng sự bối rối hoặc không quen thuộc với ngôn ngữ của những người mới để thủ lợi, chúng ta phải nhận diện và tránh xa những kẻ đó.

Tôi biết mọi người trên quê hương mới của tôi nói về “Chiến Tranh Việt Nam” qua các biến cố 1955-1975 ở Việt Nam, giai đoạn đau buồn đó bây giờ được gọi là “Cuộc chiến của Mỹ.”

Tôi nghĩ những năm đó bao gồm nhiều hoạt động dân sự lẫn quân sự ở Việt Nam và nhiều quyết định nặng ký đã được đưa ra ở Hoa Thịnh Đốn. Hoạt động chính trị cũng quan trọng không kém, như đã được tính toán, và tính toán sai, như các hoạt động tác chiến và thực ra khía cạnh quân sự, thoát thai do thiếu thành quả dân sự và chính trị từ lúc ban đầu. Các vấn đề giữa người Việt và người Mỹ, cùng sự nản chí của cả hai, một phần do hậu quả của những khác biệt quốc gia.

Đã hẳn, tôi sẽ không đưa ra một lịch sử hoặc một câu chuyện, dù chỉ là về một phương diện của một cuộc

chiến đặc biệt. Nhưng vài ghi chú trong khắp cuốn sách có thể sẽ vẽ lại vài nét hữu ích về những cá nhân, hoặc biến cố được nói đến trong câu chuyện cá nhân của tôi.

Trong nội dung đó, tôi tri ân sự khuyến khích của tiến sĩ Tâm Minh Kapuscinsk, con gái ông Trần Ngọc Châu đã qua đời vào tháng 6-2020.

Tôi cũng luôn ghi nhớ và tri ân sự giúp đỡ của anh chị Jerry và Thảo Dodson cùng Travis Snyder và Christie Permutter, chủ bút của TTU Press đã giúp tôi tiến hành việc viết và đề nghị các sửa đổi. Những đề nghị đó đã cải thiện cả sự chính xác của sự kiện, lẫn sự trong sáng của lời văn.

Người ta thường cho cuộc đời của một tài tử, hoặc bất cứ giai nhân nào đều là cuộc hành trình hoàn toàn êm ả đi hết từ điểm thoải mái này đến điểm thoải mái khác. Riêng tôi lại cho cuộc đời của bất kỳ người phụ nữ nào cũng luôn là một thử thách. Cuộc đời của riêng tôi là cuộc đời buồn nhiều hơn vui và vì thế đến lúc này, tôi vẫn luôn giữ kín các cảm tưởng sâu xa nhất.

Hai tình yêu đặc biệt và lâu dài nhất của tôi là tình yêu dành cho quê hương đã sinh ra tôi, và tình yêu dành cho một người đàn ông. Chỉ có vài người biết người tôi yêu đã chọn con đường khác với con đường tôi đi. Đã có các cơ hội ngăn ngừa để có thể hoà giải, nhưng vào lúc đó và về sau, khi vẫn còn ở Việt Nam, chúng tôi không đến được với nhau. Chiến tranh có thể đem người ta đến với nhau và chính cuộc chiến đó lại chia rẽ họ.

Tôi cũng mất cả quê hương. Dĩ nhiên, chữ mất tôi nói không có ý như chữ mất trong ý nghĩa ta thường nói mất chìa khoá xe, hoặc Việt Nam bằng cách nào đó đã biến mất. Bạn vẫn có thể nhìn thấy Việt Nam trên bản đồ. Bạn vẫn có thể du lịch đến đó.

Người Việt vẫn sống sót và chịu đựng, như họ từng chịu đựng hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác từ suốt hai ngàn năm. Nhưng Việt Nam của những ngày

thơ ầu của tôi, trong những ngày tôi sống cuộc đời một thiếu nữ, không còn nữa.

Từ những cảm giác mát mát đó, từ cái nhìn hết sức cá nhân của tôi, tôi muốn kể lại với các bạn về chuyện tình yêu tìm được và đánh mất.

Một số người đã viết quá đáng về tôi, đôi khi hạ nhục, đôi khi tán dương.

Nhưng câu chuyện sắp kể là câu chuyện của tôi, bằng các dòng chữ của tôi, từ con tim tôi, đôi khi với những đau buồn, giờ đây xin được chia sẻ với quý bạn.

• KIM VUI

California – Virginia 2021

22 * BÓNG MÂY TÌNH YÊU

• *Chương 1*

Trón Về Trà Vinh

Gia đình tôi lên đường di tản để tránh những bạo loạn ở quanh và trong Sài Gòn khi tôi vừa hơn 6 tuổi.

Lúc này là tháng 9-1945.

Lính Pháp và cảnh sát Pháp được thả ra từ các trại giam. Họ bắt đầu tái áp đặt trở lại những luật lệ thuộc địa ở Việt Nam đã bị Nhật hủy bỏ thời Đệ Nhị Thế Chiến.

Mùa thu đó, sau khi hoàn toàn đoạt quyền kiểm soát từ tay người Pháp, binh lính Nhật duy trì trật tự ngoài đường phố, đôi lúc có những hành động tàn ác. Nhưng vào tháng 8, Nhật đầu hàng Mỹ. Tháng sau Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam độc lập.

Võ trang bằng mọi thứ vũ khí có thể mua hoặc đánh cắp, những người Việt Quốc Gia đánh hoặc giết bất cứ người Pháp nào lọt vào tay họ, đồng thời tìm cách chiếm sự kiểm soát Sài Gòn. Nhiều người cho hành động tàn ác của những người Quốc Gia với người Pháp là chính đáng. Theo họ, những người ngoại quốc này là khuôn mặt đại diện của sự đàn áp thuộc địa. Nếu chẳng thế thì những người Pháp này hiện diện ở quốc gia chúng ta làm gì?

Nhóm Bình Xuyên, một nhóm giang hồ khét tiếng, chọn cách biểu hiện lòng yêu nước bằng cách giết người ngoại quốc, giết những phụ nữ lai, trẻ con lai.

Thay vì đến để giải giới Nhật, các lực lượng Anh lại dùng quân đội Nhật để giữ an ninh. Họ ra lệnh cho lính Nhật đuổi những người Quốc Gia ra khỏi Sài Gòn. Trước đây, tuy khe khát, lính Nhật vẫn thường hành xử đúng. Nhưng lúc này sự tàn ác của Nhật không còn bị kiềm chế. Chỉ cách nhà tôi vài nhà, một đứa bé bị lính Nhật bắt vì

nghe đã ăn cắp dây kềm hàng rào của đồn cảnh sát. Lính Nhật ra lệnh bắt mọi người trong xóm phải tụ họp để chứng kiến hậu quả của việc đánh cắp đó. Vì không thể để tôi ở nhà một mình, Ba tôi phải đem tôi theo. Đứa bé, chỉ vừa qua tuổi con nít, đầu bị cạo trọc, suốt từ bên tai này đến bên tai kia, quanh đỉnh đầu bị trét một lớp dày nhựa đường. Người cậu bị buộc vào ghế, và phơi ra dưới ánh mặt trời. Những tiếng kêu khóc khi mặt trời nóng đốt bỏng óc đứa bé chỉ chấm dứt khi lính Nhật chặt đầu cậu. Như các chuyện vẫn thường được nghe kể lại, chúng tôi biết đứa bé đó sẽ muôn đời là hồn ma phiêu bạt.

Những người Pháp, trước đây bị người Việt Quốc Gia giam giữ, lúc này được lính Anh Quốc thả và tái vũ trang. Họ bắt đầu trả thù người Việt. Ở mọi nơi, vào bất cứ giờ nào, bất kỳ ai cũng đều có thể bị giết, chỉ để giữ trật tự. Chẳng có vùng nào của thành phố an toàn hơn vùng nào.

Nhiều gia đình tìm an toàn bằng cách trốn về quê. Ba tôi có họ hàng ở vùng Gò Vấp ở Gia Định, nhưng đó không phải là chỗ có thể tránh nạn. Vì quá gần Sài Gòn, những làng ở đó cũng có bạo loạn chẳng khác gì đường phố Sài Gòn. Bởi thế Ba Má tôi quyết định cùng con gái tìm đường về quê Má tôi ở Trà Vinh. Chúng tôi cùng đi với những gia đình khác ở bến tàu Chợ Lớn.

Tất cả cùng lên một chiếc tàu chở gạo. Trong mắt tôi lúc đó, chiếc tàu thật khổng lồ. Tàu của chúng tôi là một trong nhiều chiếc đang chạy khỏi thành phố. Hướng tàu chạy là hướng Tây, về mé các nhánh của sông Cửu Long, dọc theo những con kênh vào các giai đoạn yên ổn hơn thường được dùng để tải gạo về Sài Gòn. Từ đó, lượng gạo được chở đến lại được chuyển về những tỉnh phía bắc Sài Gòn hoặc xuất cảng ra nước ngoài.

Tôi còn nhớ, nước kênh đục thẫm màu đất do đất lở ở hai bên bờ kênh. Thỉnh thoảng có những cụm mây. Tàu chúng tôi trôi dọc theo một dải nước dài màu nâu đục. Lúc

hoàng hôn, mặt nước phản chiếu, chúng tôi như đang trôi giữa một dòng nước vàng. Những ngọn sóng nhỏ đầu tàu như những lớp sóng vải lụa ném trên không đang bao phủ các quầy bán hàng ở chợ. Những côn trùng cánh óng ánh lượn là đà trên mặt nước, đôi khi bay cả vào hành khách trên tàu. Đom đóm nhảy múa trước mắt chúng tôi lúc hoàng hôn. Là đứa trẻ duy nhất trên tàu, tôi tự bày trò chơi bằng cách bắt vài con ốc rồi cho chúng cùng đua trong cuộc chạy đua chậm trên sàn tàu. Tôi chẳng biết gì về sự nguy hiểm.

Tàu xuôi qua Long An về hướng Mỹ Tho và Bến Tre. So với Sài Gòn, phần đất này có vẻ tĩnh lặng. Tuy trên tàu đông người, tàu vẫn lướt cao trên mặt nước vì vẫn nhẹ hơn khi chở đầy gạo. Thời gian đã trải qua quá lâu, tôi không còn nhớ nổi tàu chạy bằng gì. Chúng tôi đi thật từ từ. Gần như chỉ hơi di động. Tôi còn nhớ đôi khi những người lái thuyền buộc dây, kéo thuyền đi dọc theo bờ kênh. Những vùng xung quanh vô cùng im lặng, gần như bị bỏ hoang.

Thỉnh thoảng, vì tàu đi chậm, vài người trên bờ cất tiếng chào và chúc chúng tôi đi bình an. Chúng tôi vẫy tay chào lại rồi tiếp tục lên đường. Đêm đầu chúng tôi ngủ trên tàu. Háo hức, nhưng mệt, tuy cố nhớ lại, tôi vẫn chẳng nhớ gì thêm..., ngoại trừ việc Ba Má tôi rất căng thẳng, gần như sợ hãi, dù mỗi lúc tàu một xa Sài Gòn.

Xế chiều ngày thứ hai, chúng tôi chuyển sang một tàu nhỏ cũ và bản. Tàu chật cứng người đến độ động cơ ì ạch gần như không đẩy nổi những hành khách căng thẳng bên trên. Tàu chạy dọc theo một nhánh sông rộng của sông Cửu Long đi từ Mỹ Tho đến bãi đậu Bến Tre.

Chúng tôi đến nơi lúc trời vào đêm.

Tàu tấp vào một bãi đậu bùn đất nhỏ, khuất dưới các chòm dừa âm u bao quanh. Sáng hôm sau, tất cả chúng tôi lại chuyển sang chiếc tàu khác còn bé hơn để có thể len lỏi qua những đường nước nhỏ bé về một nhánh sông Cửu

Long khác tách biệt Bến Tre và Trà Vinh. Tuy mệt, nhưng sự háo hức khiến tôi trấn trọc. Năm giữa Ba Má, tôi có thể nghe tiếng thì thầm sợ hãi của hai người nói chuyện. Giờ đây, khi nhớ lại những gì xảy ra về sau vào lúc đó, tôi hiểu Ba Má tôi đang sợ những gì không thể thấy trước, đoán trước, tiềm ẩn trong mỗi chặng đường về Nam.

Ba Má tôi chưa biết các tỉnh ở vùng đồng bằng Cửu Long cũng đầy dẫy bạo loạn, không phải loại bạo loạn bắn, giết chống thực dân như ở đường phố Sài Gòn, nhưng cũng bạo loạn không kém. Năm năm trước, trong hậu bán thập niên 1940, ở Mỹ Tho và Bến Tre đã có những cuộc nổi dậy nông thôn, đặc biệt dữ dội ở cả tầm mức lẫn thời gian. Hai tỉnh đó chính là hai tỉnh chúng tôi phải đi qua trước khi đến Trà Vinh. Vào thập niên 1940, vì vẫn chưa bị buộc phải nằm dưới sự chỉ huy của Nhật, quân đội và cảnh sát Pháp đã ra tay đàn áp các cuộc nổi dậy. Những biện pháp Pháp cho là hợp pháp đối với việc tái lập trật tự và duy trì sự kiểm soát người Việt Nam là thả bom và tàn sát người biểu tình. Sự căm hờn sôi sục đối với Pháp và người Việt làm tay sai cho Pháp vẫn còn âm ỉ.

Lúc này, cuối năm 1945, những người đi qua vùng này, nhất là những người bị tình nghi có cảm tình với việc tái lập sự cai trị của người ngoại quốc, có thể bị nguy hiểm đến tánh mạng.

Các con tàu nhỏ vừa vào đến chỗ một rặng dừa, gia đình tôi — và cả tôi — cũng cảm thấy bắt đầu lo sợ. Sự tự tin căng thẳng biến thành những hy vọng giảm dần, rồi cuối cùng những nỗi sợ sệt nhen nhúm. Trên các con thuyền nhỏ, những người trong đoàn lái tàu nhìn hành khách Sài Gòn bằng tia mắt dữ tợn. Khi đi vào chỗ đông hành khách, họ nói năng cục cằn, xô đẩy một cách bất lịch sự và đòi tiền những khách đi đến những địa điểm xa hơn.

Các gia đình người Sài Gòn cùng đi chung trên thuyền chở gạo lớn cứ mỗi lúc mỗi tách nhỏ ra, để đi về những địa điểm khác nhau. Chúng tôi và một gia đình

khác cùng đi chung trên chiếc tàu đến Trà Vinh. Sinh mạng của tất cả đều nằm trong tay trưởng tàu và 3 người phụ lái bằng chèo và gậy.

Chẳng bao lâu sau, chúng tôi trực diện với một nguy hiểm sinh tử gay go. Trời vừa quá trưa, trưởng tàu bỗng hỏi: Trong một đất nước toàn người yêu nước nghèo khó, tại sao Ba tôi lại ăn mặc quá sang trọng? Anh ta đã chú ý thấy cái áo tương đối mới được may ở Sài Gòn của Ba tôi. Khi cổ áo ông bị một người lái tàu nắm bẻ ra phía sau, nhãn hiệu Pháp giả của áo lộ ra. Một người lái tàu khác hỏi mỉa mai phải chăng Ba tôi có ý ủng hộ sự cai trị của Pháp nên mới ăn mặc kiêu Pháp. Tình trạng còn tệ hơn khi khuôn mặt Ba tôi lại hao hao giống Tây lai, tuy ông là người Việt thuần túy.

Bất thành linh, cả ba người trong đoàn lái tàu, bỗng tuyên bố họ là những người yêu nước, lên tiếng tố cáo Ba tôi là *Việt Gian* và bắt đầu bao vây, đánh đấm ông.

Trong khi hò hét, chửi rủa, họ cột chặt tay ông về phía sau lưng, cột một tảng đá to vào một đầu dây thừng, đầu kia buộc vào cổ Ba tôi.

Tuy ba tôi cố năn nỉ, biện bạch, những người lái tàu vẫn xô ông về một phía sàn tàu và chuẩn bị ném ông xuống sông. Má tôi kéo cả tôi quỳ xuống lạy lục, van xin, đồng thời đưa ra những nữ trang bà gói trong quần áo để xin họ tha mạng cho Ba tôi. Nếu bà không làm thế, chắc chắn Ba tôi chẳng thể nào thoát chết.

Người trưởng tàu nhíu mày, tính toán và cuối cùng sai một người lái tàu kéo Ba tôi trở lại. Đây không phải lần cuối Má tôi đứng ra che chở cho gia đình. Về sau, khi nghĩ lại, tôi cho rằng có lẽ những quân cướp này chẳng phải chống thực dân hoặc yêu nước như họ tuyên bố. Đây có thể chỉ hoàn toàn là chuyện cướp bóc. Có thể hành động của họ một phần cũng do dục vọng nhất thời của họ trước nhan sắc của Má tôi. Trong hoàn cảnh đó, Ba tôi chỉ là một chương ngại vật. Nếu họ thành công, có thể chính

tôi cũng đã bị quẳng xuống sông như một thứ chướng ngại vật khác.

Thoát nạn, Ba tôi ngồi thu mình cạnh con gái trong khi Má tôi vẫn ngọt ngào nói năng, êm ái. Bà thuyết phục những người lái tàu về lòng yêu nước, và nói đây chính là thời điểm quan trọng nhất để những người Việt đoàn kết lại giúp nhau, cũng để bảo vệ Việt Nam và giành độc lập. Má tôi là một thiếu phụ trẻ, đẹp. Giọng miền Nam êm dịu, du dương của bà đã thuyết phục những người lái tàu. Ở hoàn cảnh đất nước an bình hơn, có thể những người lái tàu đã không hăm dọa chúng tôi, nhưng trong hoàn cảnh bất định của giai đoạn đó, có lẽ những cái xấu đã trỗi ra làm mờ lương tri của những kẻ thiếu lương thiện.

Con tàu len lỏi qua những con nước hẹp trong muôn vàn các con nước hẹp. Chiều đó trôi qua khi tàu đi qua một con kênh nhỏ chia đôi tỉnh Bến Tre.

Cuối cùng, tàu đến nhánh thứ hai của hai nhánh chính sông Cửu Long. Chúng tôi ngủ bên bờ một rặng dừa khác. Lúc này, những người lái tàu cảnh giác Ba Má tôi rằng chặng đường đến Trà Vinh và quanh Trà Vinh sẽ là chặng đường nguy hiểm nhất. Chúng tôi không tin, cho là họ chỉ nói thể để xoa dịu hành động lỗ mãng khi trước.

Nhưng khi bóng đêm chụp xuống những khách bộ hành mệt mỏi, Má tôi đã kéo Ba tôi và tôi gần lại, thì thào về hiểm khích lâu đời giữa người Việt với người Khmer. Cũng như tôi, Ba tôi thiếu hiểu biết về tất cả vùng đất khác nằm ngoài Sài Gòn. Má tôi giải thích thời xưa, đa số phần đất gọi là *nam phần* là một phần của Cam-Bốt, và xa xưa hơn nữa, vùng đất đó nằm dưới sự cai trị của một vương quốc gọi là Phù Nam. Khi người Việt tiến về phía Nam chiếm đất của những người đi trước, sự cai trị của người Việt tự coi mình đứng trên tất cả những dân tộc khác đã khiến người Khmer căm hận.

Nhiều năm sau đó, thỉnh thoảng Má tôi lại kể về những năm chúng tôi trốn khỏi Sài Gòn. Nếu không có

các câu chuyện bà nhắc lại, chắc tôi đã quên hẳn lịch sử của người Khmer. Tuy thế, tôi không bao giờ quên nổi những ngày tháng hiểm nguy đầy dẫy, khi mạng sống của chúng tôi bị đe dọa và những nguy hiểm chúng tôi đã gặp ở ngay cả bên trong Trà Vinh, một vùng vẫn được cho là yên tĩnh. Kinh nghiệm học hỏi trong những năm tháng đó đã giúp tôi nhận rõ được khi thế giới đảo loạn, người ta chỉ có thể tựa vào gia đình, và chỉ có những người trong gia đình mới sẵn sàng bảo vệ gia đình.

Sáng sau, khi tàu đi qua một hòn đảo nằm giữa đường trước khi đến gần Trà Vinh, chúng tôi nhìn thấy nhiều xác người lênh bênh trên mặt nước. Một số xác bị buộc vào nhau thành những bó kỳ quặc. Tôi nhìn chăm chăm vào cảnh tượng đó cho đến khi Má tôi che mắt tôi, kéo tôi vào lòng. Chẳng bao lâu sau tàu chúng tôi tiến vào bờ. Chúng tôi lên bờ từng người một. Má tôi đi trước dẫn đường. Tất cả trèo qua những thanh tre, gõ đan nhau cạnh bờ sông và lên bờ ngay chỗ thủ phủ của tỉnh.

Tuy Má tôi đã viết một lá thư cho gia đình bên ngoài, mô tả những lo lắng, tuyệt vọng của gia đình tôi, về sau chúng tôi mới biết lá thư đó chẳng bao giờ đến. Lúc này, chúng tôi đến Trà Vinh chơ vợ, chẳng ai chờ đón, dẫn dắt.

Quang cảnh chung quanh ồn ào, nhốn nháo. Ngay chính người dân ở đây hình như cũng có ác cảm với nhau. Má tôi nói thầm nhắc chúng tôi luôn đi sát nhau, vì những đường trong tỉnh có thể thuộc về các khu khác biệt, chống đối nhau, như khu Khmer, khu Tàu, hoặc khu Phật Giáo, Công Giáo. Chúng tôi hoàn toàn không họ hàng, không bạn bè và chẳng có bất cứ lời khuyên nào dù chỉ là của những người quen biết sơ sơ.

Đêm đầu tiên, chúng tôi tạm trú ở một cái chợ tồi tàn, hôi thối, chẳng có gì để ăn. Hôm sau, chẳng còn sự chọn lựa nào khác, Ba Má tôi quyết định tiến đến ấp Rạch Lộc, nơi Má tôi sống thời thơ ấu, để tránh những cảnh ghê

ron quanh chúng tôi. Đã hẳn gia đình, họ hàng và những bạn bè bên ngoài sẽ che chở chúng tôi. Nhưng chúng tôi phải tìm được họ trước!

Suốt những năm tháng về sau, cho đến tận ngày nay, khi tôi viết lại chuyện đời tôi trên những trang giấy trước mắt bạn đọc, tôi vẫn chưa hề quên những gì tôi đã chứng kiến trên đường từ tỉnh về con ấp ở xa đó.

Cách ngôi chợ chúng tôi đã ngủ chập chờn trong đêm trước không xa, dọc theo con đường đất độc đạo chúng tôi cùng đi với những người khác, hai bên đều có xác người. Xác người rải rác xa đến mãi các bờ ruộng và trong các ruộng lúa. Đây không chỉ là những xác chưa chôn, mà cũng không phải xác của những nạn nhân bất hạnh bị giết trong những cuộc chém giết của những nhóm thù địch đối đầu. Chúng tôi đang mục kích những người bị chém, bị chặt trước khi chết. Quần áo của đa số các xác chết đều bị xé rách, có thể để sỉ nhục mà cũng có thể vì quần áo của những nạn nhân còn có giá trị cao hơn sinh mạng của họ.

Khoảng giữa ngày, chúng tôi bị một nhóm người say, lỗ mãng và ác độc chặn lại. Cả bọn đều mặc quần áo nhà quê đen, chỉ có áo và quần, mỗi người tay cầm gậy, dao dài hoặc giáo. Họ nói tiếng Cam Bốt với nhau nhưng lại gay gắt hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt. “Chúng tôi là người địa phương hay ở ngoài Trà Vinh?” Đây dường như là điều họ muốn biết nhất. Ba tôi không nói giọng địa phương nên chẳng giúp được gì. Mẹ tôi lên tiếng trả lời cho cả ba. May mắn thay bà lại nói giọng địa phương nơi sinh sống thuở nhỏ ở vùng đồng bằng Cửu Long. Má tôi giải thích chúng tôi là người Trà Vinh, bị kẹt ở Sài Gòn vì chiến tranh, giờ đây đang trở về để trốn lính Pháp và những kẻ cướp Việt Nam.

Chúng tôi có một ít bánh mì mua sáng đó ở ngôi chợ nghèo nàn ở Trà Vinh. Má tôi đưa vài ổ bánh mì dài mời họ cùng ăn. Họ đón nhận. Điều đó cho thấy những cử chỉ

của Má tôi đã tạo được thiện cảm. Hơn nữa, Má tôi còn nói được vài câu tiếng Cam Bốt. Cách bà đối phó với khủng hoảng này, cũng như đã đối phó với bọn cướp trên tàu hôm trước, lại một lần nữa cứu chúng tôi thoát hiểm.

Nhưng chúng tôi vẫn còn phải vượt qua một cuộc thử thách thô lỗ, tàn ác, bất nhân nữa trước khi được phép cho đi. Bọn cướp một mực bắt mỗi người chúng tôi phải ăn một phần thịt của người họ mới giết. Thực ra, lúc đầu tôi chưa hiểu họ đòi hỏi chúng tôi phải làm gì. Má tôi đã cứu tôi bằng cách xin tha cho tôi vì tôi chỉ là một đứa bé và đang ốm. Bà và Ba tôi sẽ ăn như yêu cầu để chúng tỏ chúng tôi là người cùng phe với họ. Ba Má tôi đã làm theo yêu cầu của họ. Cho đến ngày nay tôi vẫn chưa hiểu Ba Má tôi làm cách nào để làm được việc đó.

Chúng tôi cố gắng đi thật chậm, thận trọng không khơi dậy bản năng săn đuổi của bọn họ. Tôi nhìn lại, thấy bọn cướp đó lại đến bao quanh một nhóm người khác và hét lên “*Kap Youn! Kap Youn! – Giết bọn Việt.*”

Trong khi đó gia đình tôi, tuy là người Việt lại được cho qua nhờ có Má tôi. Nhiều năm sau, Má tôi đã hơn một lần nhắc tôi rằng mời ăn, dù chỉ là những thứ đồ ăn đơn giản như bánh mì, có thể làm giảm ác ý của người được mời. Lúc nào Má tôi cũng nhắc nếu phải giết một người vừa mới chia phần ăn cho mình, người ta sẽ ngần ngại.

Trước khi xuôi nam, Ba Má tôi đã được một số bạn nhắc các tỉnh ở miền Trung và phía bắc miền Nam đang có nạn đói. Nguyên nhân là do Mỹ oanh tạc đường xe lửa và những tàu chuyển vận ở ven biển đang yểm trợ quân Nhật. Nhưng những xe lửa và thuyền nhỏ đó lại là một phần chính của kinh tế Việt Nam. Bởi thế, tuy lượng gạo sản xuất ở Miền Nam chỉ bị ảnh hưởng rất ít, những tỉnh phía bắc Sài Gòn, lúc nào cũng lệ thuộc một phần vào lượng gạo được chở lên từ đồng bằng Cửu Long, lúc này thiếu thực phẩm rõ rệt. Chẳng bao lâu sau, đường xe lửa không đi chuyển được và trong những tháng cuối của cuộc

chiến, chẳng có thuyền vận tải nào ở ven biển hoạt động. Tình trạng thiếu gạo còn tệ hại hơn vì Nhật trưng thu gạo để chu cấp cho quân đội, cảnh sát và những người Việt hợp tác với họ.

Nhưng chúng tôi đang xuôi nam, không đi qua những vùng thiếu thực phẩm. Chẳng có lý do gì để ăn thịt người ngoại trừ việc muốn phục hồi một biểu tượng tế lễ, một vài niềm tin man rợ, được khơi dậy vì con phần nộ của những người Cam Bốt thiếu số muốn trả thù người Việt.

Sau hai ngày dài khô nhọc, chân sưng chảy máu, đôi khi phải nhặt những lá mạ non ở ruộng để gặm, chúng tôi về được đến quê ngoại, nơi Ông Bà Ngoại tôi vẫn ở đó. Chúng tôi được gia đình bên ngoại chào đón nhiệt tình. Trong suốt chuyến đi dài, tôi không hề than, nhưng đã mệt mệ, kiệt lực cùng cực. Giờ đây, trong tình thương của gia đình bên ngoại, tôi thấy được xoa dịu, chìm đắm trong tình cảm của những người lo lắng cho chúng tôi.

Chúng tôi về quê ngoại, sum họp với họ hàng bên ngoại đúng ngay chu kỳ mùa gặt vụ mùa xuân - hè. Ông Ngoại giải thích tất cả các áp ở Trà Vinh trồng gạo để gặt mỗi năm hai vụ mùa. Điều này có nghĩa là làm việc ngoài đồng gần như liên tục. Chu kỳ làm việc thay đổi liên liên, bắt đầu bằng việc vỡ đất để chuẩn bị cho việc gieo hạt rồi gieo hạt và chăm ruộng cho đến mùa gặt. Màu ruộng thay đổi theo từng giai đoạn, như những màu ngọc khác nhau: nâu khi trơ trụi, xanh dần sau đó. Màu xanh bắt đầu bằng màu xanh nhạt, rồi ngày càng đậm; và chuyển thành màu vàng nhạt vào lúc vụ mùa. Mọi người trong nhà phải làm việc không ngơi tay, ngoại trừ một thời gian ngắn, khi những ruộng lúa tạm thời bị bỏ mặc. Để đền bù cho những công việc khó nhọc, thực phẩm lúc nào cũng dồi dào, gạo có dư để bán cho các thương gia, và sau khi đã bán, gạo vẫn còn thừa để nhà làm rượu ba-xi-đê giúp những người luôn phải lao động cực nhọc trị đau nhức.

Các ngôi nhà ở quê tôi nằm giữa những bóng cây có những cành cây dài, rậm đầy lá đến độ trông như một cây dù khổng lồ. Cây chuối, có lá lớn to như những cái quạt, mọc gần nhau ở cạnh mỗi nhà. Dọc theo những dòng nước nhỏ chảy qua áp và ngoài rìa những cánh đồng là những cây dừa trang điểm. Mỗi nhà tách nhau vì cây cối trồng chung quanh che khuất, nhưng vẫn có không khí làng xóm. Các ngôi nhà được làm hoàn toàn bằng gỗ, với một khoảng sân đất phía trước. Lối vào nhà là lối đi thẳng qua sân để vào phòng khách, thường có một bàn thờ đối mặt với khách vào. Bàn thờ của gia đình ông bà tôi có nhiều ảnh gia đình, có những bức tượng Chúa và tượng các Thánh nhỏ. Những hình tượng Phật Giáo cổ truyền được khắc sâu vào gỗ đậm màu, phản ánh những chuyện tín ngưỡng của nhiều thế kỷ trước. Chỗ ngủ nằm xé bên phòng khách cũng là nơi gia đình sinh hoạt. Nơi chuẩn bị đồ ăn và nấu nướng luôn ở phía sau. Những cột nhà và đà đều làm bằng gỗ đặc, còn tròng không thể làm tổ. Các xà ngang là nơi tiện lợi để chứa đồ. Đa số nhà đều có mái tranh, chỉ có vài nhà có mái ngói. Má tôi nói gia đình Ông Ngoại có đủ tiền để lợp mái ngói, nhưng không làm vì cần thận – không muốn phô trương những gì có thể tạo sự ganh ghét.

Gà, vịt rất nhiều, tự do đi quanh khắp áp, quanh nhà, trong và ngoài ruộng lúa. Rải rác đó đây có vài con ngỗng đẹp nhưng rất dữ. Chỉ cần bị ngỗng đuổi và mổ một lần cũng đủ để bạn nhớ đời việc chớ nên trêu vào những con ngỗng kiêu kỳ này. Bởi thế, tôi thích những con vịt nhỏ, sợ hãi mỗi khi bị đuổi. Tuy cố hết sức, tôi vẫn chẳng bắt được con nào. Bà tôi nói, khi bị đuổi, con vịt lúc nào cũng thoát vì đoán trước được phản ứng của đứa bé đuổi bắt. Nhưng nếu tôi ngồi yên cho ăn, sẽ có vài con đến gần. Và nếu cứ tiếp tục cho ăn thêm như thế, rồi sẽ có con lại gần cho tôi vuốt ve. Đây là một bài học có thể áp dụng xa hơn việc bắt vịt. Riêng đối với bà tôi, việc có lợi ngay lập tức

là tôi chịu ngồi yên, bớt ngay việc đuổi bắt, nghịch ngợm.

Tôi chỉ than phiền một điều duy nhất với bà ngoại là con gái không được chăn trâu. Ở quê tôi, trâu được xem như “chúa ruộng” và là một thành viên của gia đình, mỗi con trâu được xem như của quý và theo truyền thống, chỉ có con trai mới được giao trách nhiệm trông trâu.

Tôi cho đây là điều bất công nhất, nhưng Ông Ngoại giải thích lý do chính là để bọn con trai không còn thời giờ trêu ghẹo những đứa bé gái đẹp. Tôi vẫn không vừa lòng với lời giải thích đó. Có lần tôi thuyết phục một người anh họ cho tôi cưới con trâu của gia đình anh khi anh chơi với những bạn khác. Tôi bị mắng vì coi thường luật lệ ở quê, và bị mắng thậm tệ hơn người anh họ đã cho tôi cưới trâu.

Trẻ con chúng tôi ở khắp mọi nơi, lẩn quẩn dưới chân người lớn, trên xà nhà trên trần, và luôn làm phiền Ba Má và những người lớn. Dù vậy, ngay cả lúc nghịch ngợm nhất, chúng tôi vẫn được người lớn bỏ qua với những nụ cười thông cảm. Thực ra, chỉ vì là thế hệ sắp tới của ấp, và là đại biểu của thế hệ tương lai, lớp trẻ chúng tôi rất được chiều chuộng. Mỗi đứa bé có một cái tên gọi ở nhà, thường là tểu và người trong xóm thường gọi đứa bé bằng những cái tên đó chứ không gọi những tên ghi trong khai sanh. Họ tin đây là cách để cho những âm hồn ghen ghét, ác độc hoặc ít ra là nghịch ngợm không thể nhận diện, gây thương tích, cướp đi sức khỏe hoặc tánh mạng của đứa bé.

Tôi có rất nhiều anh, chị, em họ và thương đều tất cả, nhưng người tôi đặc biệt quý nhất là một bà chị trẻ mới lập gia đình. Chị là người đẹp, mỗi khi xõa tóc để chải, tóc chị dài đến ngang lưng. Chị đang có thai, bụng đã to. Tôi được chị cho để tay lên bụng để thấy cử động của đứa bé bên trong. Khó có cách nào để nhận thức sự màu nhiệm của đời sống hơn là cảm nhận những cử động của một hài nhi sắp sinh dưới lớp da của người mẹ.

Quanh ấp và quanh những dòng nước, có những cái

ao con. Những cái ao con đó đều có nước, ngay cả trong mùa khô, vẫn có nước đọng lại từ trước. Trước mùa mưa, trâu thường tìm đến những chỗ ẩm, lặn mình khuấy sình lên để gãi các chỗ bị muối, bị côn trùng cắn cho đỡ ngứa. Khi những cụm mây đen gió mùa sắp làm đất ướt đầm, tất cả những dòng nước và chỗ sình lầy khô đều đầy nước. Những luống mạ non cần được chăm sóc trong khi ruộng lúa cần được tưới để chuẩn bị chuyển mạ non vào. Khi các dòng nước và ao mở ra để nước đọng đầy, vịt đẻ con.

Chúng tôi, cũng giống như đàn vịt con, chơi quanh các dòng nước, quanh ao và trong ao. Mỗi tối, Ông Bà Ngoại, Ba Má tôi cùng bạn bè nhấm nháp rượu trong những chén trà nhỏ. Họ bù khú, nói chuyện tầm phào, hoặc kể lại những chuyện cũ đã được kể lại nhiều lần. Trẻ con ngồi nghe cho đến khi mỏi mắt, tự tìm đến những chỗ êm sẵn quanh đó để ngủ. Tôi biết chúng tôi đã trốn đến đây để nướng náu ở một nơi được an toàn và bảo bọc.

Nhiều năm sau, Má tôi giải thích Ông Ngoại là thành viên của hội đồng quản trị ấp. Thường thường, những thành viên quản trị ấp phải hành xử đúng vai trò, đôi khi phải giải hòa những tranh chấp trong ấp. Lúc này, vì vấn đề an ninh trong ấp, Ông Ngoại và một số người khác dặn các gia đình trong ấp phải giống chuông mỗi khi có người lạ đến gần. Bởi thế, mọi người nghèo, giàu, Phật Giáo, Công Giáo đều tuân theo. Dĩ nhiên bọn con nít chúng tôi cũng được dặn ngay trong lúc chơi cũng phải để ý trông chừng và báo cho người lớn gần đó biết những điều khác lạ. Nếu không kịp báo thì phải hét to hết sức để báo động cho những người đang làm việc ngoài đồng. Khi báo động có thể đập những cây tre vào nhau từng chập để tạo ra những tiếng như vỗ tay, hoặc dùng nôi, soong đập vào nhau để tạo ra âm thanh lớn.

Hệ thống báo động sơ khai của chúng tôi gần như lập tức được thử khi những tên trộm Cam Bốt vũ trang bằng giáo và dao tấn công. Được báo động, gần như mọi

người tản ra vào những khu rừng bên cạnh. Vài tên cướp liêu lĩnh tiên vào bị bao vây, chặn lối và bị người trong ấp vây đánh. Bởi thế, tin tức lan truyền nhanh chóng là những cuộc xâm lăng vào các ấp trong làng chúng tôi không dễ như những nơi khác. Tuy đã được dặn dò phải cẩn thận, người con út của một gia đình giàu có vẫn ngồi xe bò để một chú ngựa con kéo đi quá xa. Hôm sau, xác cậu ta nằm dưới đường mương, bị đĩa bám đầy, đầu bị cắt gần lia khỏi cổ, thân thể bị băm vằm.

Nhưng rồi cảnh tượng hung bạo dần dần lắng xuống. Những gì chúng tôi đã chứng kiến trên đường về Trà Vinh, đã mục kích khi ấp bị tấn công, rồi còn được nhân mạnh thêm với cái chết của cậu thiếu niên đi xe ngựa ngày càng giảm. Sự qua lại giữa các ấp, đến trung tâm làng, chợ làng và ngay cả đường đến Trà Vinh, lại an toàn trở lại.

Chẳng ai biết rõ tại sao làng xóm lại yên ổn. Có thể dân chúng đã mệt mỏi với cuộc sống lúc nào cũng đong đầy phần nộ và sợ hãi, cũng có thể những kẻ ác dữ dần nhất đã bị giết hoặc đã hồi cải. Sự thật thế nào, chẳng ai biết rõ. Ba tôi không hài lòng với cuộc sống mới này ở làng quê. Nơi đây chẳng có gì cho ông làm. Thực ra, ông chẳng làm được việc gì có ích. Ông đã thử đi câu, nhưng vì không biết bơi, mỗi khi đến gần dòng nước hoặc cái ao ông đều thấy căng thẳng. Có lần khi đang gỡ cá ra khỏi lưới, ông bị trượt chân rớt xuống một con kênh. Má tôi đã phải kéo Ba tôi lên. Vì quá sợ, ông đã kéo tay bà quá mạnh và suýt tí nữa lôi luôn cả bà xuống con kênh.

Trà Vinh, với kinh tế ruộng vườn, tập quán và ngay cả cách nói chuyện, tất cả đều xa lạ với Ba tôi. Tuy biết ơn gia đình bên vợ, ông cảm thấy nhớ những hoạt động quen thuộc, nhớ chốn Sài Gòn yêu quý. Ba tôi thường quá giang các xe bò qua những ấp kế cận. Gọi là làng, nhưng đây chỉ là những trung tâm của các ấp cạnh nhau và một ngôi chợ. Mùa thu trời khô, đường đầy vệt bánh xe và đầy bụi. Vào mùa mưa đầy sinh lây lội. Chẳng mấy ai hay đi

từ ấp này sang ấp khác. Nhưng vì thèm được trò chuyện với một số người khác cùng hoàn cảnh, cũng trốn khỏi Sài Gòn, nhưng không thể thích nghi được với đời sống thôn quê như ông, Ba tôi vẫn hay qua lại các ấp. Nhờ vậy, vô tình ông trở thành một nguồn tin lờ mờ cho chúng tôi biết thêm ít nhiều tin tức từ những vùng khác ở Việt Nam.

Một hôm, khoảng hơn một năm chúng tôi đến Trà Vinh, sau một chuyến đi quanh co qua chợ trở về, Ba tôi kể lại vài tin quan trọng. Một người bạn hay nói chuyện với ông đã nhận được thư ở Sài Gòn cho hay thành phố đầy nghẹt lính Pháp. Đây là điều chưa từng có. Cảnh sát Pháp hoàn toàn kiểm soát Sài Gòn và quân đội Pháp bắt đầu tản ra các tỉnh khác. Ba tôi đoán chúng tôi sẽ thấy lính Pháp, dù ở một ấp nhỏ ở Trà Vinh như ấp của Ông Ngoại. Chúng tôi hy vọng điều này không biến thành sự thực.

Ít ngày sau, hai người lạ đến thăm ấp cũng mang theo những tin tương tự. Ông Ngoại dường như đã đoán trước. Ông bảo hàng xóm và những người trong nhà là hai người khách sẽ đến thăm từng gia đình và nói về những thay đổi ở mọi nơi trong nước. Ông đoán có thể họ sẽ tả lại những chuyện chống sự tái chiếm của thực dân Pháp và đề nghị mọi người Việt nên làm gì. Ông Ngoại khuyên mỗi gia đình, kể cả trẻ con, nên lịch sự lắng nghe vì ai cũng cần biết chuyện gì đang xảy ra trong nước, và ảnh hưởng của những chuyện đó đối với những gia đình trong ấp.

Hai người khách lạ dần dần đến trước sân nhà tôi và xin phép được vào nhà. Cả hai đều ăn mặc bình thường như mọi nông dân khác, nhưng sau khi ngồi và lịch sự nhấp trà, cách nói chuyện của họ cứng rắn và cương quyết, khác hẳn cách nói chuyện của nông dân chúng tôi thường được nghe.

Họ thông báo họ là đại diện của Việt Nam Giải Phóng Quân, một quân đội bao gồm mọi người Việt Nam, bất kể tuổi tác, tôn giáo, trình độ học vấn. Đây là quân đội

bao gồm hàng triệu người yêu quý thôn quê Miền Nam, bao gồm tất cả mọi người yêu nước từ mũi Cà Mau đến Hải Phòng ở miền bắc. Quân đội này đã tập hợp lại kháng cự sự tái áp đặt các luật lệ bản thù của thực dân Pháp. Họ nói cuộc đấu tranh của chúng ta có thể sẽ kéo dài hơn một năm, hơn năm năm, hoặc hơn cả 10 năm, nhưng với mọi người đứng ra tranh đấu cho quốc gia, dần dần cuộc kháng chiến của Quân Đội Giải Phóng chắc chắn sẽ giành được độc lập cho Việt Nam.

“Và các gia đình ở Trà Vinh nên làm gì, ngay trong áp của mình?” Họ hỏi một cách hùng hồn rồi họ tự trả lời bằng một giọng cương quyết: *Khi quân Pháp đến và bọn chúng sẽ đến... đừng rập mình khiếp sợ. Không cung cấp tin tức, sức lao động hoặc hướng dẫn..., không giúp, dù có được cho tiền. Chỉ làm những điều tối thiểu bắt buộc phải làm nếu tính mạng bị đe dọa hoặc vì sự an nguy của gia đình. Nói dối nếu bị buộc phải trả lời. Cho tin sai. Giấu hết những người trẻ và phụ nữ. Tổng kháng cự khắp nơi có nghĩa là Pháp sẽ phải trái quân rất mỏng ở mọi nơi trong nước. Với chỉ vài kẻ phản bội, bù nhìn ở vài ấp, bọn chúng sẽ không thể kiểm soát mọi nơi. Pháp sẽ tấn công rải rác và rút lui rải rác. Bọn chúng có thể quay lại, nhưng với sự hữu hiệu giảm dần. Mỗi hành động của Pháp sẽ gặp một phản ứng mạnh hơn. Ngọn lửa căm hận Pháp sẽ bùng lên từ tỉnh này sang tỉnh khác cho đến khi bùng ra khắp nơi trong nước. Trước ngọn lửa ngày càng bùng ra đó, Pháp chẳng thể làm gì hơn là rút lui.*

Người khách lớn tuổi hơn trong hai vị khách hăng say nói chuyện, kết luận bằng cách bí mật tiết lộ chẳng bao lâu sau, các đại biểu khác của Quân Đội Giải Phóng sẽ đến để giải thích cách chúng tôi nên đóng góp vào phong trào kháng chiến toàn quốc để kết nối tất cả các ấp và các tỉnh. Khi được mời thêm trà, họ từ chối. Làm sao họ có thể uống hết trà khi đến thăm mọi gia đình trong ấp?

Họ rời nhà Ông Ngoại để đến thăm nhà kế cận.

Hôm sau họ rời ấp chúng tôi để đi đến một ấp khác.

Gia đình chúng tôi, và như chúng tôi được biết thêm sau đó, các gia đình khác trong ấp đều có những phản ứng lẫn lộn. Một vài thanh niên đã quyết định sẽ đến gặp những vị khách sắp đến để giúp họ tổ chức kháng chiến. Tôi nghĩ vì đã nghe họ, mọi thanh thiếu niên, kể cả những cậu bé nhất, đều muốn trở thành anh hùng. Tất cả đều mơ trở thành những người lính thật của Việt Nam. Ông Ngoại cũng bị thuyết phục, và giải thích với những người trong gia đình rằng giai đoạn hợp tác với Pháp và ngay cả giai đoạn gắng gượng mặc nhận các vị thủ hiến và các nhân viên Việt được Pháp chỉ định, đã qua, đã chấm dứt. Ông hy vọng các Phật tử, các giáo dân Công Giáo và ngay cả những người lảng giềng Cam Bốt cũng sẽ gạt bỏ mọi hiềm khích, tranh chấp để đoàn kết tranh đấu cho quốc gia. Bà Ngoại tỏ vẻ ngần ngại, nói việc trước tiên là phải bảo vệ gia đình, và tuy nghĩ về quốc gia, nên tránh những liều lĩnh liên quan đến mạng sống, nhất là của con trẻ.

Má và Ba tôi im lặng, có lẽ vì tin ý kiến quan trọng nhất phải là của những người từ trước đến nay vẫn sống ở ấp, chứ không nên là ý kiến của những người ngoài như họ. Phần tôi, chưa đến 8 tuổi, chỉ biết sống với hiện tại, tuy hết sức quan sát, nhưng chưa thấy được những chuyện tiềm ẩn trong tương lai.

Rồi một ngày đầu năm 1947 quân Pháp đến.

Lúc này mới đầu mùa mưa, bởi thế những con đường từ Trà Vinh đến quận hoặc ấp vẫn dễ đi hơn trong tháng tới. Nhưng chúng tôi đã thực tập hệ thống báo động sơ khai rồi và do đó tin sẽ có vài sự báo động trước.

Tuy thế, vẫn chẳng có sự báo động nào cả.

Thình lình quân Pháp từ gần như mọi đồng lúa tiến đến những ngôi nhà tranh trong ấp nằm dưới những bóng cây. Một số người chạy trốn vào các bụi rậm quanh những dòng nước, nhiều gia đình khác túm tụm ở sân trước, và một số chỉ biết quỳ xuống cầu nguyện vài vị thần ứng hiện

cứu họ thoát khỏi tai ách những kẻ hung bạo sắp sửa giáng xuống. Không có sự kháng cự. Người dân trong ấp Ông Ngoại chưa có đủ thời giờ mà cũng chẳng có những lời hướng dẫn như đã hứa để tổ chức kháng cự.

Má tôi phản ứng nhanh chóng hơn đa số người khác, dắt tôi về mé sau một căn nhà, đặt tôi giữa những đồng lu, chậu để trốn trong khi bà đi tìm Ba tôi. Tôi không sợ, nhưng hiển nhiên bối rối vì những tiếng động. Có tiếng người hét lên và âm thanh của tiếng gì như tiếng pháo, nhưng linh giác cho biết là không phải. Người Việt Nam chúng tôi không có súng trong nhà bởi thế tiếng súng chắc chắn do những lính Pháp đang từ ruộng tiến đến bắn ra.

Tôi cố thu người nhỏ đến hết mức như một trái banh thịt ép xương nhỏ và cầu nguyện Má tôi sẽ trở lại ngay trong lúc đó, hoặc vào phút kế tiếp, hoặc vào phút kế tiếp nữa. Xung quanh mọi sự hỗn loạn, người ta chạy qua chỗ tôi núp, hét lên những tiếng hét không hiểu nổi. Tôi cảm thấy như đang giữa trung tâm một sự bùng vỡ, hoảng loạn, nhưng đồng thời vô cùng đơn độc.

Rồi tôi nghe một tiếng khóc khác lạ, tiếng một đứa bé kêu khóc và bất thần im bật. Tiếng một người đàn bà hét lên và tôi nhớ ra đồng lu, chậu ngổn ngang, nơi tôi núp vừa đúng chỗ phía sau ngôi nhà của người chị họ xinh đẹp, người khi có mang đã cho tôi sờ tay lên bụng. Tôi dán chặt người vào tường nhà, nhìn qua kẽ hở trên tường, và trở thành chứng nhân chứng kiến một cảnh bạo hành khủng khiếp. Vì còn quá nhỏ, chỉ mới bảy tuổi, tôi chưa hiểu rõ cảnh bạo hành đang xảy ra trước mắt. Một lính Pháp mặt trắng và một lính khác da đen mặt có sẹo đang giữ chặt chị tôi dưới sàn nhà, kéo chân chị dặng ra để một người thứ ba hăm hiếp, trong khi một người lính khác đang đứng nhìn cười to. Khi chị tôi hét, hai người đang giữ chị đánh chị thật mạnh đến khi chị không còn kêu nữa.

Vừa lúc đó Má tôi đến phía sau tôi, chộp lấy tay tôi, rồi cùng Ba tôi kéo tôi đi sâu về phía sau ấp. Đến một chỗ

cây lá mọc hoang, nơi rỏ, giá hư và những đồ sứ vỡ tích tụ, Ba Má tôi nhét tôi vào một cái lu to bị nứt đang nằm ngang, rồi vứt đầy lá chuối mốc và những lá khác chung quanh. Má tôi đưa tay nắm chặt môi tôi đến độ môi cảm thấy đau và dặn tôi phải im lặng, không được có tiếng động nếu tôi còn muốn sống thêm dù chỉ một ngày. Sau đó, Má tôi nắm tay Ba tôi, kéo ông về một hướng khác, có lẽ hy vọng tách ra như thể chuyện sống còn của chúng tôi có hy vọng hơn. Tôi im lặng hoàn toàn, nhưng trong nhiều giờ không tự mình trấn áp được sự run sợ. Nước mắt tôi lặng lẽ tuôn rơi không ngớt.

Lính Pháp, trắng và đen — có lẽ là người Senegales hoặc người ở một thuộc địa Phi châu nào đó, theo Ba tôi đoán về sau — rời làng tôi đó. Bọn chúng ăn cắp heo, gà, vịt, ít nhất là những con bắt được và bắn giết những con khác càng nhiều càng tốt, dường như chỉ cho vui. Bọn chúng cố bắt trâu, nhưng những con vật này không dễ dẫn đi, bởi thế nhiều con trâu bị bắn chỉ để chơi hoặc để thỏa mãn ác tính lúc đó. Một số nhà bị đốt, một số nhà khác được tha. Khuôn mẫu, hoặc có lẽ chẳng có khuôn mẫu gì cả, chỉ hoàn toàn do ngẫu hứng và chẳng có lý do gì khác. Nhiều người bị đánh và một vài thanh niên bị bắt, bị dắt đi theo. Chị họ tôi không phải là người duy nhất bị hiếp ngày đó, nhưng chị là người duy nhất chết vào sáng hôm sau. Chồng chị là một trong những người bị bắt ngoài đồng ngay lúc đầu. Anh bị trói và dắt đến một chôn nào đó định mệnh đã sắp. Tất cả người còn lại, nhất là ba má chị đã khóc thương chị, thương đứa bé con chị bị giết một cách thảm khốc trước chị. Chỉ vài hôm sau là ngày sinh tám tuổi của tôi, nhưng chẳng ai còn tâm trí để nghĩ đến chuyện mừng, vì quá nhiều người sống sót đang đau khổ.

Sau khi quân Pháp đã rời đi vài ngày, bỏ lại những làng ấp bị tàn phá thì lính của quân đội Giải Phóng đến. Họ không phải hai người đã đến thăm vài tháng trước. Những người lính mới đến mang theo vũ khí và trông có

về cứng rắn, cương quyết. Họ đề nghị tổ chức không phải chỉ để báo động mà còn phải để phòng vệ thôn ấp như một phần cần thiết của kháng chiến quốc gia. Tất cả mọi người — tức là người lớn vì trẻ em dĩ nhiên chỉ biết nghe — dần dần đồng ý đã đến lúc ủng hộ quân đội quốc gia để giành độc lập. Một số thanh niên, đã vắng mặt hoặc trốn thoát khi quân Pháp vào ấp, tình nguyện đi theo những người lính mới đến để được huấn luyện. Tôi nhớ mọi người đều bị kích động. Chỉ vài người tỏ vẻ lo âu chúng tôi đang bên bờ vực thẳm đồi đời. Đa số cam kết không ngần ngại với mục tiêu giành độc lập cho quốc gia.

Ba Má tôi cùng quyết định đặt gia đình làm mục tiêu chính. Sau khi nói chuyện riêng rất lâu với nhau, họ quyết định dù đã mục kích tội ác của Pháp với người Việt, dù đồng ý với nguyên tắc của vấn đề kháng chiến, gia đình chúng tôi vẫn nên trở về Sài Gòn. Khi trốn khỏi thành phố, sự chọn lựa của Ba Má tôi chỉ vì chuyện hỗn loạn và giết người ở đường phố Sài Gòn. Giờ đây, bất kể quân Pháp đáng căm hận sẽ tiếp tục thâm quyền ra sao, Sài Gòn vẫn là nơi an toàn hơn là ở những tỉnh chiến tranh đang bắt đầu.

Má tôi cũng dặn tôi, bóp tay tôi để nhấn mạnh, tôi phải luôn nhớ không được phép gỡ ra dù chỉ một ngày, thánh giá đang đeo trên cổ. Bà tin đó là cái bùa hộ mạng, vì Pháp và những lính thực dân người Phi sẽ không giết hoặc hãm hiếp một bé gái Công Giáo trong khi có nhiều bé gái khác không theo đạo Công Giáo. Và trong nhiều năm, bà vẫn kiểm soát cổ tôi mỗi ngày, mỗi tối để biết chắc cái bùa hộ mạng vẫn còn ở đó.

• *Chương 2*

Trở Về Sài Gòn

Má tôi, bà Nguyễn Thị Ký, đến Sài Gòn trước Đệ Nhị Thế Chiến để tìm việc và đi học nếu cơ hội cho phép.

Khi đồng ý cho phép bà rời Trà Vinh đi xa, gia đình Má tôi ở quê không khỏi ngần ngại. Đại gia đình Má tôi ở vùng đồng bằng Cửu Long có đủ đất để cung cấp gạo thặng dư hàng năm. Số gạo thặng dư đó thường được bán cho những người trung gian có hợp đồng với các kho gạo và những mối chở gạo đến vùng Chợ Lớn cạnh Sài Gòn. Tuy Má tôi còn nhỏ, gia đình cho rằng bà có thể tìm hiểu tình trạng buôn bán và giá cả ở Sài Gòn.

Ba tôi, ông Đặng Phú Thọ, là con em họ xa của một gia đình buôn hàng sỉ. Ba Má tôi gặp nhau, chọn lựa nhau, có thể chỉ theo những lựa chọn tự nhiên hoặc có thể do định mệnh. Chẳng bao lâu sau, họ trở thành vợ chồng.

Vài năm sau, ngày 12-5-1939, tôi ra đời ở Chợ Lớn, tên được ghi trên giấy khai sinh và giấy rửa tội là Nguyễn Thị Vui. Ba năm trước, Ba Má tôi cũng có một người con gái, nhưng chị tôi mất từ ngày còn quá bé.

Vì thế, trên một khía cạnh nào đó, tôi là cơ hội thứ hai của họ. Khi mới sinh, diện mạo của tôi đã khiến nhiều hàng xóm xì xào. Mé da đầu phía trên trán tôi có ba vạch đen nhỏ cách đều nhau. Chỗ đó chưa có tóc nên ba vạch đậm hiện hình rất rõ. Một số hàng xóm, dựa vào những truyền thuyết, cả quyết tôi sẽ được Phật phù hộ và che chở cả đời. Má tôi, một người Công Giáo thuần thành, sợ tin đồn biến thành chuyện đàm tiếu ở nhà thờ, hàng ngày rửa xà bông và ráng kỳ cọ cho sạch ba vạch đậm đó.

Chuyện bàn tán trong xóm tan dần khi những vạch

trên trán tôi tự biến mất.

Chòm xóm nơi chúng tôi từ Trà Vinh quay về là một vùng ngang kênh Bến Nghé ở Chợ Lớn. Con kênh khởi nguồn từ một dòng suối thiên nhiên đổ vào sông Sài Gòn. Sau đó, dòng suối này được dọn sạch, mở sâu hơn, lớn ra, làm đường thủy dùng vào việc thương mại.

Lúc này, con kênh chia vùng đất thành hai phần khác biệt rõ rệt. Một vùng đất đa số là người Hoa và các con đường đông đúc của Chợ Lớn. Vùng kia là vùng nửa đô thị, nửa nông thôn của chúng tôi. Đối với tôi, nơi đây cũng chẳng lấy gì làm khác với cuộc sống ở Trà Vinh. Tôi vẫn chơi với gà vịt, những tổ kiến và được họ hàng, chòm xóm cưng chiều.

Cũng như những đứa bé quê khác, đã biết bắn ná, tôi thường mang ná đến một nghĩa địa gần đó, nã sứt cả nhiều tấm mộ bia nằm trong tầm ná. Tôi thường chơi một mình, nhưng nếu chơi với những đứa bé hàng xóm, tôi thường là đứa cầm đầu và luôn bắt những đứa khác phải nghe theo. Và chơi, đối với đứa bé tám tuổi như tôi, quan trọng hơn trường lớp. Khi ở Trà Vinh, tôi không đi học nên theo kịp các bạn đang học ở Sài Gòn không phải dễ. Tôi nghĩ về trường chỉ như một thứ khác với những trò chơi trong xóm. Những lớp dạy múa, vẽ và tô màu thật vui và tôi thích viết chữ thật đẹp, cẩn thận viết từng dấu cho thật đúng. Trường là một trường công giáo với ý định nối kết với thế lực ngoại quốc bên ngoài đã đưa công giáo vào Việt Nam, tiếng Pháp là ngôn ngữ nổi bật trong lớp. Sự hãnh diện thôi thúc tôi học hành chăm chỉ và chẳng bao lâu sau tôi đã theo kịp đa số học sinh khác.

Năm 10 tuổi tôi đã được chòm xóm quý mến. Lúc nào tôi cũng sẵn sàng giúp những cụ già ở gần, khi con cái các cụ phải làm việc lao động ở Chợ Lớn hoặc các bến tàu Sài Gòn, ban ngày nhiều cụ chỉ ở nhà một mình. Tôi mang nước cho các cụ bà cô đơn, giúp họ làm việc vặt và múa hát để giúp vui cho họ. Những cụ già đó là khán giả đầu

tiên của tôi, và tôi lại là khán giả của các cụ khi các cụ kể cho tôi nghe các chuyện cổ tích hoặc bàn tán với nhau những chuyện ngồi lê, đôi mách trong xóm. Các cụ là những người thầy ngoài lớp học của tôi.

Tôi vẫn còn thơ ngây, có nghĩa là, hoàn toàn thiếu hiểu biết, về những chuyện tình dục và nhiều phương diện của chuyện trai, gái.

Có lần, vài năm trước khi Nhật chiếm đóng, khi máy bay Mỹ đang ném bom Sài Gòn, tôi đã cùng nhiều người chen chúc ở một chỗ tránh bom được dựng sơ sài bằng đất gàn nghĩa địa. Một người đàn ông, tôi nghĩ ông là một người già, đã ngồi sau tôi và ôm chặt lưng tôi vào người ông. Khi đó chỉ là đứa bé 6 tuổi, tôi cho rằng ông làm thế là để che chở tôi, nhưng tôi cảm thấy có vật gì cứng cứng đâm vào quần tôi và cảm thấy chuyện này hình như có cái gì không đúng.

Sau đó, tôi luôn tìm cách né tránh ông. Nhớ lại chuyện khó chịu lúc nhỏ đó, và đã nhìn thấy chuyện hãm hiếp ở ấp Trà Vinh, tôi đánh đồng những chuyện tình dục với chuyện bạo hành và tàn nhẫn. Kinh nguyệt của tôi bắt đầu sớm hơn bình thường khiến tôi sợ hãi. Má tôi và các cô tôi chưa nói gì đến chuyện sinh lý và những chuyện không thể tránh khỏi. Họ giải thích chuyện kinh nguyệt của tôi sớm hơn bình thường nên họ chưa nghĩ đến chuyện giải thích thêm cho tôi về chuyện “ong bướm.”

Khi 12, 13 tuổi, tôi thấy hình như con trai, và ngay cả đàn ông, cũng thường đối xử khác lạ với tôi. Những cử chỉ thô lỗ khi họ nói về ngoại hình tôi khiến tôi để ý và bực mình. Mỗi khi tôi gánh nước cho các cụ già hàng xóm, thường là bằng đòn gánh với hai thùng thiếc treo ở hai đầu, những đứa con trai ở gần đó thường nhìn tôi chòng chọc. Khi gánh, để đòn gánh cân bằng và nước khỏi đổ, người gánh phải khẽ đong đưa người qua lại, và bước nhịp nhàng. Người tôi đang nẩy nở và những đường cong đã gây sự chú ý. Các cậu con trai lớn bắt đầu theo sau tôi

trên đường từ trường về nhà. Tôi thường bị bọn con trai xô, đẩy cho những thứ trong cặp rớt ra chỉ để bọn chúng giả vờ giúp tôi nhặt sách, nhật bút chì và có có lại gần tôi hơn. Mỗi khi trời mưa, tình cảnh còn tệ hơn, vì lớp vải mỏng của chiếc áo dài nữ sinh thường dính chặt vào người tôi. Tôi than phiền với Ba tôi, nhưng thay vì an ủi tôi, Ba tôi lại nói chắc tôi cố tình khuyến khích hoặc chọc ghẹo các cậu con trai. Má tôi thông cảm và hiểu tôi hơn, nhưng vẫn không có đáp án thỏa đáng. Má tôi cảnh giác, “*Phải hết sức cẩn thận.*” Vấn đề con trai trêu ghẹo tôi ngày càng khó chịu đến độ một người anh họ của tôi là cảnh sát, phải đợi tôi ở công trường sau giờ về. Anh tôi đi theo, trừng mắt nhìn bọn con trai theo tôi trêu ghẹo, và đưa tôi cho đến khi tôi về gần đến nhà.

Nỗi háo hức và động lực thực sự đưa tôi vào nghiệp trình diễn bắt đầu ở nhà thờ. Là người có đức tin mạnh, Má tôi tin sự cứu rỗi, cả trong đời sống lẫn cõi vĩnh hằng, chắc chắn sẽ kết nối với đức tin Công Giáo. Đây là điều Má tôi tin chắc. Bà bắt tôi đi lễ, xưng tội và rước lễ. Các việc đó đối với tôi đều dễ dàng, trừ những câu hỏi có vẻ khó chịu khi xưng tội, như những câu tôi bị hỏi về cảm tưởng của tôi đối với con trai. Nhưng điều tôi thích nhất ở nhà thờ là tôi được hát thánh ca. Nhiều người làm việc ở nhà thờ sống trong xóm tôi đã nghe tôi hát giúp vui. Thấy tôi tuy chưa được luyện giọng, nhưng chất giọng vẫn trong và khỏe, họ đã đề nghị tôi tham gia ca đoàn nhà thờ.

Ngày nay, khi hồi tưởng về dĩ vãng, nhớ lại những chuyện lịch sử đã chứng kiến, những thất vọng, hiểu lầm, những lỗi lầm của bản thân và tất cả những xoay chuyển đã biến dần tôi thành người đàn bà như hôm nay, tôi nhìn nhận cách hành xử của cá nhân tôi là do ảnh hưởng pha trộn triết lý Công Giáo lẫn triết lý Phật Giáo cổ truyền. Hai triết lý đó không xung khắc trong mục đích. Thực sự, hai triết lý đó bổ khuyết cho nhau. Có thể với người Việt, hai triết lý đó còn tài bồi lẫn nhau. Một phần niềm tin của

người Việt là niềm tin về linh hồn của vạn vật. Tôi không có ý nói đến đạo Cao Đài với hệ thống đức tin bao gồm cả Đức Bà Pháp, Louis Pasteur và Vladimir Lenin... Đạo Phật của người Việt và đạo Công Giáo nói chung có lòng kính trọng đối với tâm linh như kính trọng linh hồn của những cánh đồng, những loại đá đặc biệt, cây đặc biệt và lời nhắn nhủ của những linh hồn quá cố, của quý thần và những gì không thể giải thích.

Mỗi khi Tết đến, cả người đạo Phật lẫn đạo Chúa đều tụ họp ở những đình, chùa địa phương để nhờ thầy bói đoán trước chuyện kiết, hung sắp xảy ra.

Nhìn nhận chuyện tín ngưỡng được đa số tin theo trong xã hội Việt Nam, tôi vẫn luôn nhớ ơn ca đoàn Công Giáo đã cho tôi hiểu biết đầu tiên về sức mạnh của tiếng hát qua các bài ca. Cộng đoàn chúng tôi lớn hơn các cộng đoàn Công Giáo khác, bởi thế ca đoàn thiếu nhi của chúng tôi lớn hơn. Nhóm ca đoàn thiếu nhi chúng tôi thường được mời đến thăm và hát ở những cộng đoàn khác, nhất là ở những vùng thôn quê ở gần Thủ Đức và Biên Hòa.

Những nơi đó, tuy cách Sài Gòn không xa lắm, vẫn thường xuyên có những cuộc đụng độ giữa Việt Minh và các đơn vị an ninh địa phương được Pháp trả tiền và nằm dưới sự chỉ huy của Pháp. Trong một chuyến đi ra ngoài thành phố, chúng tôi đã phải một phen kinh hoàng khi một toán côn đồ đến tấn công nhà thờ nơi chúng tôi đang hát. Bất kể ý định của họ là gì và lý do nào đã thúc đẩy họ, những kẻ tấn công đã dùng dao, búa chém các giáo dân công giáo mới vừa chào đón chúng tôi chỉ vài phút trước. Tôi bò vào bụi rậm sau nhà thờ, lưng vẫn lộ ra ngoài, nhưng có lẽ cho rằng tôi đã chết nên những kẻ tấn công đã bỏ mặc, không đụng đến tôi.

Phải chăng bọn côn đồ này do cộng sản cầm đầu?

Hay chỉ là những kẻ hung bạo tùy tiện ra tay để giải quyết các tranh cãi địa phương?

Chúng tôi chẳng thể nào biết rõ.

Một lần khác, lúc tôi chưa đến 14 tuổi, chúng tôi cùng đến một nhà thờ nhỏ gần Tân Uyên, cách Biên Hòa không xa lắm.

Hôm đó, buổi trình diễn sắp bắt đầu, khán thính giả đang tụ họp đông đảo chờ giờ khai mạc. Chúng tôi chưa chuẩn bị xong y phục để trình diễn thì bỗng có nhiều người đàn ông cầm súng tiến vào nhà thờ hét lên rằng họ đến để giết những kẻ phản quốc. Một linh mục đẩy tôi về hướng cái tủ lớn treo áo. Những đứa trẻ khác bị đẩy vào phía sau tôi. Tôi cố núp sâu dưới càng nhiều lớp vải càng tốt, run rẩy khi nghe tiếng đạn. Lúc tiếng đạn đã im hẳn và chỉ còn tiếng rên rỉ, kêu khóc, tôi bò ra. Trong số người bị thương có vị linh mục, một số người trong cộng đoàn và ngay cả những đứa bé trong nhà thờ Sài Gòn của chúng tôi. Ngoài ra còn một số người đã chết, hoặc sắp chết. Sau chuyến đi đó, nhà thờ của chúng tôi đã quyết định từ đó trở đi, ca đoàn thiếu nhi sẽ không đến những giáo xứ ở các tỉnh, quận miền quê nữa.

Tuy đã chứng kiến và chính bản thân cũng trải một phần bi kịch, những kinh nghiệm đó vẫn chẳng khiến tôi chấm dứt nghiệp ca hát. Khi không hát trong ca đoàn nhà thờ, vào những buổi chiều Ba Má tôi đi làm, tôi múa hát quanh con đường trong xóm, một phần muốn hát cho vui và một phần khác cũng muốn giúp vui cho hàng xóm. Khi hát, lúc nào tôi cũng thận trọng quanh quần gần nhà. Ngạc nhiên thay, tôi được mời hát cho một đám cưới hàng xóm. Rồi lại được mời hát ở một đám cưới khác.

Trong số khách đến dự đám cưới lần đó, có một người chủ nhà hàng. Ông ta có ý mời tôi hát mỗi tuần hai tối. Ba Má tôi lo lắng. Tôi vẫn còn nhỏ — họ cho rằng quá nhỏ — nhưng tin rằng tôi có chút tài năng. Cuối cùng Ba Má tôi đồng ý... với một số điều kiện. Lúc nào tôi cũng cần có người nhà đi kèm và tôi vẫn phải tiếp tục đi học. Và rồi, múa hát trong tuổi ngây thơ, với tiếng hát vô tình truyền cảm, và lúc nào cũng có người nhà theo sát, tôi

dần dần được nhiều người biết qua tiếng đồn. Càng ngày tôi lại càng được các quán ăn, các câu lạc bộ địa phương và những chỗ tiệc tùng chú ý.

Những nhà hát nhỏ ở khu Sài Gòn và Chợ Lớn kế cận thường tổ chức nhiều buổi trình diễn gọi là “Nhạc Kịch” tức những màn kịch ngắn được trình diễn trên sân khấu. Giữa những màn kịch này, khi diễn viên thay đổi y phục để diễn xuất những tuồng mới, sẽ có ca sĩ và nghệ sĩ múa hát. Những màn kịch này cũng tương tự như những màn kịch “vaudeville” ở Mỹ khi trước. Hoàng Cao Tấn, chủ đài radio lớn nhất của Sài Gòn và cộng sự viên, ca sĩ Minh Trang, điều khiển đoàn hát có tiếng nhất. Sau khi thấy tôi trình diễn giúp vui cho hàng xóm, họ đưa tôi vào đoàn như một ca sĩ đàn em được đỡ đầu, và khi đoàn hát trình diễn tôi được giới thiệu như một nghệ sĩ trẻ đang lên. Họ ký hợp đồng đầu tiên với tôi.

Vì cho tên Vui của tôi không “*gây chú ý*”, họ đổi tên tôi thành Kim Vui. Kể từ đó, Kim Vui trở thành cái tên vĩnh viễn gắn liền với tôi.

Tôi biết tiền được trả ở những nhà hát sẽ nhiều hơn ở các quán ăn, nhưng giọng tôi vẫn chưa đi hết được toàn thể âm vực và chưa đủ mạnh như về sau. Bởi thế, khi vẫn còn trong “tuổi dậy thì”, tôi cũng khiêu vũ. Lúc đầu là khiêu vũ các kiểu ballet, nhưng về sau chuyển sang một kiểu khiêu vũ giúp vui. Sau mỗi lần khiêu vũ trình diễn, tôi trở về mệt mỏi đến độ các cô tôi phải xoa bóp tay chân tôi, mới ngủ được.

Tuy mang tiền về cho Ba Má và là một thành viên thành công của đoàn hát, tôi vẫn không hài lòng. Kim Vui muốn trở thành ca sĩ chứ không phải nghệ nhân khiêu vũ, và tôi khá cứng đầu khi theo đuổi mục tiêu đó.

Bởi vậy, Hoàng Cao Tấn và Minh Trang giới thiệu tôi với Lê Do, một người thầy tài năng lỗi lạc và một nghệ nhân guitar chẳng may vương phải vấn đề nghiện ngập.

Sau khi nghe tôi hát và đo âm vực giọng, ông soạn

một bản nhạc “*Blue Danube*” riêng cho tôi. Thái Thanh, một ca sĩ điêu luyện đã hát bài nhạc điệu valse này quá hay và tiêu chuẩn đó được dùng để đo giọng hát của tôi. Lê Do huấn luyện tôi hướng về một mục tiêu vượt trên những mức thường được cho là chấp nhận được. Lần đầu tôi hát “*Blue Danube*” ở rạp, khán giả đứng, reo hò và lớn tiếng vỗ tay, gần như không dứt. Những âm thanh vang vọng đã khiến tôi lo đó là tiếng la hét của những khán giả không hài lòng. Nhưng lo lắng của tôi sai. Đây là bước đầu đưa tôi vào nghiệp hát để trở thành ca sĩ. Trẻ em, một số lớn hơn tôi và một số nhỏ tuổi hơn, bắt đầu háo hức chào má con tôi ở những chỗ chợ địa phương. Đôi khi những người bao quanh quá đông khiến tôi hơi sợ. Tôi hỏi Má tại sao bọn trẻ cứ đi theo Má con tôi hết quày này sang quày khác? Má tôi trả lời vì bọn nó hâm mộ con.

Thời gian đó ở khu Chợ Lớn, nhóm Bình Xuyên là một tổ chức kinh tế xã hội - chính trị - cảnh sát - tội ác ghê gớm nhất Khánh Hội. Độc giả không quen thuộc với vùng Sài Gòn - Chợ Lớn thời gian này có thể thắc mắc tại sao một tổ chức cùng lúc lại có thể có phạm vi hoạt động bao trùm gần như khắp mọi mặt như thế? Nhưng tổ chức này quả thực cũng có hoạt động bao trùm chẳng khác gì những tổ chức băng đảng có hệ thống như băng đảng Mafia từng hoạt động tại đảo Sicilian ở Ý. Những người trong nhóm Bình Xuyên là hàng xóm của chúng tôi. Chúng tôi quen thuộc với tên tuổi của họ chẳng khác gì người ngày nay quen thuộc với tên tuổi những nghệ sĩ nổi tiếng. Họ là một phần đời sống chúng tôi, và thỉnh thoảng cũng có thể là ân nhân khi họ muốn tạo dựng các hình ảnh anh hùng.

Tuy lúc đầu, cội nguồn phức tạp của nhóm Bình Xuyên có thể dính dáng đến cướp bóc, lao động bất hợp pháp và âm mưu để làm “tiền bảo kê”, trong Đề Nghị Thế Chiến, nhóm Bình Xuyên đã ngã theo lòng yêu nước của đa số dân chúng và có một bộ mặt chống thực dân mới. Cái tên Bình Xuyên được đưa ra vào năm 1945.

Khi đoàn kết với cộng sản miền nam và những đảng viên quốc gia khác chống ngoại xâm, hành động của nhóm Bình Xuyên phản ánh một chủ đề thường thấy trong lịch sử Á Châu: Đôi khi đảng trưởng các băng đảng có thể trở thành những người ái quốc. Những vấn đề tấn công và phản công giữa nhóm Bình Xuyên và Pháp trong giai đoạn cuối 1945 và 1946 là nguyên nhân chính khiến Sài Gòn và các khu kế cận mất an ninh.

Đây cũng là lý do khiến gia đình tôi và nhiều gia đình khác đã tản cư về các tỉnh để lánh nạn.

Không đánh bại nổi lực lượng Pháp được tăng cường, một số nhân vật cầm đầu Bình Xuyên đã rút khỏi đảng và cắt đứt mối liên hệ hợp tác với đảng cộng sản. Sau khi cắt đứt quan hệ với cộng sản, tay anh chị Lê Văn Viễn của nhóm Bình Xuyên, được biết nhiều hơn dưới tên “Bảy Viễn” lại tạm thời bắt tay với chính quyền thực dân Pháp, lúc này vừa trở lại, và đang thắng thế. Để đổi lại sự cam kết hứa sẽ tiêu diệt Việt Minh trong vùng Sài Gòn của nhóm Bình Xuyên, Pháp đồng ý để nhóm Bình Xuyên có toàn quyền kiểm soát khu Chợ Lớn - Khánh Hội - Nhà Bè. Vì đã hợp tác với các lãnh tụ cộng sản địa phương và có quan hệ gần gũi với họ khi trước, Bảy Viễn có thể thành toàn lời hứa với Pháp. Không có đảng nào khác tranh quyền và được Bảo Đại cho phép, với sự mặc nhận của Pháp, Bình Xuyên tiến hành những hoạt động làm tiền từ các hộp đêm, các sòng bài và các vũ trường. Không còn bị động lực quốc gia hoặc chính trị kèm hãm, Bình Xuyên trở thành một tổ chức hoàn toàn tội phạm với những vụ buôn lậu thuốc phiện, cường bức mãi dâm tàn bạo nhất.

Bình Xuyên đã bám rễ rất sâu vào khu vực Chợ Lớn - Khánh Hội và một số khu vực khác ở Sài Gòn, sâu đến độ tuy biết và sợ nhóm Bình Xuyên, dân trong vùng vẫn chẳng có cách nào thoát khỏi việc phải đụng chạm với nhóm băng đảng này. Trong những năm ở tuổi mới lớn, tôi đã hai lần được mời — bởi thế gần như bị trưng thu —

để giúp vui cho một nhóm thuộc hạ của Bảy Viễn. Từ chối không phải là một lựa chọn. Tôi phải ngồi với những tay anh chị và bạn bè của những tay anh chị đó, như thể đang tự nhiên vui vẻ hòa mình với bọn cướp. Ba Má tôi lo sợ cho tôi và cho cả chính họ. Đôi khi chúng tôi bàn bạc về chuyện dời qua một vùng ở quận khác mé bên kia Sài Gòn, nơi có ít sự hiện diện và kiểm soát của Bình Xuyên hơn. Nhưng chúng tôi biết không nên đại dốt để lộ ý nghĩ đó cho những người khác biết.

Tôi tiếp tục hát, khiêu vũ và được trả các khoản tiền nhỏ để giúp gia đình, nhưng những khi không trình diễn, tôi thích được một mình viết hoặc vẽ những bức tranh cô tôi và các bạn cô tôi thích. Tôi mơ một ngày nào đó sẽ gặp được người yêu như ý để có thể có một tình yêu lý tưởng.

Trong giấc mơ tình yêu của tôi chẳng có gì gọi là khát vọng nhục dục. Chắc chắn tôi đã hiểu ngoại diện của tôi khá thu hút, nhưng với tôi, điều này hình như không quan trọng. Tuy thích trình diễn hơn học, tôi biết chú tâm vào việc học là việc đầu tiên và tối quan trọng. Lúc nào những môn học tôi thích nhất cũng là văn và nghệ thuật.

Suốt những năm đó, với tôi, người đàn ông quan trọng nhất là Ba tôi, nhưng chúng tôi thường chẳng hiểu gì nhau. Dần dần, tôi biết Ba tôi thường xuyên tìm đến những người đàn bà khác và phản bội Má tôi.

Chẳng những thế, ông còn ăn cắp tiền trong tương mục gia đình, và trong bóp Má tôi, để theo đuổi chuyện ái tình ở những nơi khác.

Có lần, ngày mới từ Trà Vinh về Sài Gòn, khi tôi còn bé, Ba tôi đã hỏi tôi chỗ Má tôi cất nữ trang. Nếu tôi chỉ chỗ cất nữ trang, Ba tôi hứa sẽ cho tôi kẹo. Rủi thay, tôi biết chỗ cất nữ trang của Má và lại muốn được kẹo.

Khi biết nữ trang đã bị chính chồng mình đánh cắp để có tiền quyến rũ những người đàn bà khác, Má tôi chỉ ôm tôi than khóc. Bà tha thứ và không hề trách móc sự phản bội ngây thơ vì kẹo của tôi.

Phần nộ vì tôi đã nói cho Má tôi biết những gì ông làm, Ba tôi to tiếng quát nạt, đập phá đồ đạc và ném đi những bức ảnh của gia đình. Má tôi sụm xuống, miệng, mũi đều chảy máu. Tuy biết mơ hồ là có một số đàn ông thường hành động hung bạo, nhưng tôi thực sự không hiểu nổi tại sao Ba tôi lại có thể hành động như thế với người đàn bà đã hai lần cứu ông thoát chết.

Ba tôi thường đánh tôi khi tôi còn bé, đôi khi nắm tóc tôi, vụt roi tre vào người tôi. Tôi đã nghiên răng để khỏi bật tiếng khóc to. Tôi cắt tóc ngắn, gàn như con trai, để ông khó nắm tóc tôi. Ông xem chuyện đó như một thách thức, và cứ mỗi khi say hoặc không bằng lòng là lại lôi tôi ra đánh. Lúc nào nói chuyện với tôi, ông cũng hung hăng. Tôi thường xuyên chạy qua các nhà hàng xóm nơi những cô, bác tốt bụng an ủi, che chở. Mỗi khi đau xót nhìn lại, tôi nghĩ Ba tôi đã căm phẫn vì tôi bắt đầu kiếm được tiền cho gia đình nhiều hơn ông. Những sự kính nể của tôi mất dần vì chuyện phản bội thường xuyên của ông đối với Má tôi, những sự sợ hãi và căm hận thỉnh thoảng bộc phát khi ông đấm hoặc đánh tôi bằng gậy.

Nhưng bị kịch gia đình tôi chỉ là bị kịch nhỏ bên những thay đổi lịch sử quan trọng ở Việt Nam. Năm 1954, Pháp mất các thuộc địa ở Đông Dương. Ngoại trừ vài cuộc ám sát và tấn công bắt chọt xảy ra ở địa phương, các nhân viên hành chánh Pháp, cảnh sát Pháp và lính Pháp đã quen thói tự tung, tự tác. Người Việt bị buộc phải chịu đựng.

Nhưng có một số tham gia Việt Minh, rời thành phố ra bung hoặc ở lại Sài Gòn làm gián điệp. Nhiều gia đình khuyên nên có một người họ hàng làm việc cho Pháp để “*nghe tin*” từ bên trong.

Một trong những người anh em của Ba tôi làm việc cho sở an ninh Pháp, có trụ sở chính ở khúc trên đường Catinat. Ông kể lại nhiều chuyện rùng rợn khi Pháp thẩm vấn những người Việt bị “*tình nghi*.” Thỉnh thoảng, có kẻ sống sót, miễn cưỡng phản bội, bị dặt vào xóm chúng tôi,

mặt đeo mặt nạ vải bao gạo, để chỉ điểm những kẻ chống Pháp. Những người bị chỉ điểm, nếu hiện diện, lập tức bị bắt. Tất cả chúng tôi đều bị ám ảnh vì cái tên “Catinat.”

Nhưng sự kiểm soát chặt chẽ của Pháp ngày càng giảm. Các sư đoàn Việt Minh đánh bại Pháp ở thung lũng Điện Biên Phủ. Và ở những nơi khác trong nước, đa số các cuộc tấn công đều do phe cộng sản mở màn. Ở Kontum và An Khê thuộc cao nguyên Trung Phần, lính Pháp bị buộc phải buông bỏ nhiều vị trí đóng quân.

Một hiệp định khó khăn và không thực sự thỏa mãn — đối với hai phe điều đình — ở hội nghị hòa bình Geneva đòi hỏi các đơn vị quân sự cộng sản tập kết ra Bắc và cho phép một phong trào hàng trăm ngàn người Việt Nam, đa số là Công Giáo từ Bắc di cư vào Nam. Theo dự định, sẽ có bầu cử vào hai năm sau để thống nhất Nam - Bắc, tuy thủ tục bầu cử vẫn chưa rõ ràng. Nhưng sự cai trị của Pháp ở Việt Nam kể như hoàn toàn chấm dứt.

Nhiều người Việt Nam thấy dường như có cơ hội cho phép họ chọn lựa khác với sự chọn lựa tham gia các lực lượng giải phóng do cộng sản điều hành và kiểm soát. Rất nhiều và có thể là đa số, năng lực của Việt Minh phát nguồn từ lòng yêu nước, và tinh thần tranh đấu chống thực dân. Cuối cùng Pháp đã rời Việt Nam trong khung cảnh lóng ngóng, khó xử.

Khi Pháp đang trên đường ra, những khách ngoại quốc khác lại đến gõ cửa. Họ tự xưng là “người Mỹ” đến từ nước Mỹ, một nước ít người Việt được biết, và họ sẽ là những người khách mới trong bữa cơm của gia đình Việt Nam. Chúng tôi hy vọng họ sẽ không chia cắt Việt Nam thêm mà sẽ là một lực lượng đối trọng chống lại sự áp đặt của chính quyền độc đảng Việt Minh.

Khuynh hướng mệt mỏi với chiến tranh, dù là đối với một thiếu nữ ở tuổi mới lớn như tôi, là hy vọng. Và người Mỹ đã tạo được một số uy tín khi đưa nhân vật quốc gia Ngô Đình Diệm trở về Việt Nam giữa năm 1954 để

được hoàng đế chỉ định làm thủ tướng, tuy đa số chúng tôi ở Miền Nam không biết gì nhiều về ông và gia đình ông.

Cuối năm 1954, Sài Gòn trong trạng thái hỗn loạn. Pháp đang rời Việt Nam nhưng rõ ràng là đang căm phẫn vì hình ảnh thay thế của Mỹ.

Những người Việt trước đây lệ thuộc sự nâng đỡ của Pháp trở nên lúng túng. Một số chuẩn bị theo gót các quan thầy sang Âu Châu. Thủ tướng Diệm, mới nhậm chức, quyết chí tổ chức và nắm quyền kiểm soát một chính quyền trung ương mạnh. Ông không muốn đóng vai trò nhân vật đứng giữa để giữ thế cân bằng quyền lực giữa những vùng địa phương tự trị, nguyên là vùng được tự trị khi nhìn nhận sự hợp pháp của thực dân và thẩm quyền hoàng gia của Bảo Đại khi trước. Pháp tuy bị đánh bại, vẫn toan tính giữ địa vị ảnh hưởng ở Việt Nam trên phương diện thương mại và chính trị.

Một đồng minh của Pháp ở miền Nam có tiếng xấu nhất là nhóm băng đảng Bình Xuyên.

Vài tháng sau, khi thủ tướng Diệm ra lệnh tấn công những đường dây làm ăn và cái gọi là cảnh sát của Bình Xuyên, nhiều người Việt cho ông khó thể thành công. Pháp muốn dùng hoàng đế Bảo Đại, lúc đó đang du hí ở Riviera để thay thế vị thủ tướng bằng một chính quyền bù nhìn do Pháp đưa ra. Dường như tất cả tham dự viên trên diễn đàn quốc gia, kể cả người Mỹ, đều do dự, không hiểu quyền lực trong tay các nhân vật quân sự ở Sài Gòn sẽ diễn biến ra sao.

Nhưng bất kể mọi sự chỉ trích ông trong những năm sau thế nào, tại thời điểm lịch sử này, Ngô Đình Diệm đã có các quyết định đúng và cả quyết.

Ông cho lệnh các lực lượng Việt Nam tấn công Bình Xuyên và diệt trừ các lực lượng võ trang, không thuộc chính quyền, ở thủ đô. Quân đội, đặc biệt là lính Dù, ủng hộ thủ tướng Diệm.

Trình Minh Thế, lãnh tụ quân sự Cao Đài, đem quân

từ thành trì Tây Ninh theo ngã đông nam tiến về hợp tác với quân đội quốc gia.

Chỉ có rất ít lính Bình Xuyên sống sót. Một số nhảy qua tường bao quanh trại lính và nghĩa địa để tìm đường thoát thân qua sân sau nhà chúng tôi. Có một người đàn ông bị thương nặng, ruột lòi ra ngoài. Cô tôi đã đặt một cái tô, đáy không sâu vào bụng ông, và buộc lại bằng một cái khăn dài. Ông ráng lết đi, nhưng tôi không hiểu ông làm thế nào để sống sót.

Một số khác có thể đã trốn qua Vĩnh Hội, Khánh Hội và vượt qua sông Sài Gòn.

Có tin đồn một số lính Bình Xuyên gia nhập những lực lượng còn sót lại của Việt Minh phía bên trên Biên Hòa, tuy khó thể tin cộng sản lại chào đón các bọn côn đồ nhiều năm trước đã phản bội họ.

Tôi nghĩ lúc đó, bất cứ người Việt Minh nào còn lại ở Miền Nam cũng đều nằm yên quan sát tình thế sau hiệp định Geneva và sau khi Pháp rút.

Chính Bảy Viễn cũng trốn sang Pháp, nhưng con trai ông và những nhân vật chủ chốt khác đều bị bắt. Các lãnh tụ chính trị và quân sự thường mô tả những cuộc diệt trừ chống đối như các cuộc hành hình.

Không có phiên tòa nào cho Bình Xuyên.

Họ bị giết từng người một, như họ đã từng giết người khi trước.

Trình Minh Thế, vị tướng Cao Đài kêu gọi ủng hộ thủ tướng, bị giết trong cuộc chiến ở Sài Gòn.

Tất cả người trong xóm chúng tôi đều cho cái chết của ông thật kỳ lạ, vì ông không ở trung tâm điểm của trận đánh. Bất kể vì lý do gì, cái chết của tướng Thế đã khiến danh sách người sẽ chống đối thủ tướng trong tương lai giảm bớt một người.

Một cây cầu lớn ở Sài Gòn - Chợ Lớn được đặt tên là cầu Trình Minh Thế, nhưng sau đó, tên ông chìm dần vào quên lãng.

Một lực lượng bất đồng ý kiến lớn khác ở miền Nam là những cộng đoàn Phật Giáo Hòa Hảo. Cũng giống Bình Xuyên, nhóm Phật Giáo hiểu chiến này có một lịch sử gồm nhiều thành phần, đôi khi chống Pháp, đôi khi có xếp đặt thỏa hiệp địa phương với Pháp.

Tuy vậy, tín đồ Hòa Hảo là những người chống Cộng kiên quyết vì đức thầy Huỳnh Phú Sổ của họ bị tập kích và mất tích, có lẽ đã bị thủ tiêu năm 1947, khi từ chối không hợp tác với Việt Minh.

Lúc này, vì Bình Xuyên đã bị trừ khử, và Cao Đài đã gia nhập quân đội chính phủ, tổng thống Diệm ra lệnh cho quân đội dẹp các nhóm Hòa Hảo ở vùng đồng bằng Cửu Long. Khoảng một năm, các lực lượng Hòa Hảo coi như bị đánh bại, chạy về các vùng đầm lầy hoặc những nơi ẩn náu ở Thất Sơn gần Cam Bốt.

Cũng như Bình Xuyên, những lãnh tụ Hòa Hảo bị bắt giam hoặc hành hình. Một vị tướng Hòa Hảo là Ba Cụt bị đưa lên máy chém, gọi lại hình ảnh hành hình xấu xa của thực dân Pháp khi trước.

58 * BÓNG MÂY TÌNH YÊU

• *Chương 3*

Người Mẹ Trẻ

Mùa thu 1955, năm sinh nhật thứ 16, đời tôi bước vào một khúc quanh. Một học sinh trẻ từ Huế, cố đô của Miền Trung, được giới thiệu với Ba Má tôi như một cậu học trò có thể ở trọ bắt đầu vào tháng 8.

Những người trong nhà thờ của chúng tôi giới thiệu cậu nói cậu là con trai của một thương gia khá giả, là học sinh tốt nghiệp ở một trường tốt nhất ở Huế, quyết chí theo đuổi việc học lên cao ở Sài Gòn. Ba Má tôi đồng ý nhận cho cậu học sinh ở thuê. Họ cho đây có thể là một việc có lợi, vì tôi có thể tiếp xúc với một người đồng lứa tuổi, chín chắn, nếu so sánh với những người trẻ tôi đã gặp ở các câu lạc bộ và quán ăn.

Tôi bị cậu học sinh trẻ thuê nhà, không lớn tuổi hơn tôi bao nhiêu, hấp dẫn ngay. Sau khi tan trường, sau giờ học nhạc hoặc ca hát, mỗi khi về nhà, tôi mong có dịp gặp và chuyện trò với cậu. Thịnh thoảng chúng tôi cùng học chung một bàn học. Chúng tôi cùng đi bộ, cùng đi mua đồ chung tại các hàng, quán bên đường ở Sài Gòn và Chợ Lớn. Lúc đầu, việc chúng tôi ngày càng gắn bó chẳng có gì lãng mạn mà chỉ như chúng tôi cần có một người bạn, một người để tâm sự. Cậu học sinh ở trọ lúc nào cũng thích nghe tôi kể những chuyện tôi thấy, và kinh nghiệm của những người diễn xuất. Tôi cũng thích nghe cậu kể chuyện học và các dự định về chuyện tương lai của cậu. Cậu tin dựa trên nền tảng thành công của những việc kinh doanh của gia đình cậu, cậu sẽ phát triển công việc kinh doanh đó xa thêm. Lúc này, khi nhìn lại sau nhiều thập niên, tôi thấy mối quan hệ giữa chúng tôi đang trở thành

quan hệ tình cảm tuy không có gần gũi thể xác. Nhưng hiểm nguy ở khắp bốn phía vì chúng tôi thường xuyên ở nhà với nhau và được phép cầm tay, được phép ngồi gần nhau hơn những khoảng cách nên được cho phép.

Một hôm, khi tôi đang ngủ trong phòng, cậu ta vào và cùng nằm với tôi. Lần đầu tiên và chỉ có một lần, chúng tôi ôm nhau da chạm da. Cậu đã để dương vật giữa hai chân tôi để tìm khoái lạc và cũng để tôi thỏa mãn sự tò mò. Cảm giác đụng chạm khiến tôi ngỡ ngàng. Cậu ta hứa sẽ không làm tôi đau.

Tôi không hiểu điều đó có nghĩa gì, đầu óc chỉ còn hình ảnh mờ nhạt về hình ảnh người chị đã bị hãm hiếp ở Trà Vinh. Nhưng kinh nghiệm vui thú này với cậu ta lại hoàn toàn khác hẳn. Tôi đã từng tự nhủ sẽ không phạm phải lỗi lầm mà nhiều thiếu nữ, đàn bà trẻ đã phạm khi ở một mình với bạn trai. Nhưng giờ đây, chính tôi lại bị cám dỗ bởi những cảm giác tình yêu bùng bột của tuổi trẻ.

Cả hai chúng tôi cùng hiểu vấn đề tối cần của sự thận trọng và tôi tuyệt đối không nên có bầu, trước khi cậu nói chuyện với gia đình cậu. Bởi thế, người yêu đầu của tôi hứa trong lần gần gũi đó là chúng tôi sẽ giữ gìn vấn đề gần gũi ở một khoảng cách mà sự ngây thơ của chúng tôi cho là vô hại. Nhưng, bản năng của mammals sống là lợi ngược dòng, vượt qua mọi chướng ngại để kích thích một đời sống mới. Lúc đầu, tôi ngây thơ đến độ còn chưa biết thân thể người đàn bà phản ứng thế nào với việc thụ thai. Tôi tắc kinh một lần, rồi một lần nữa chỉ vừa trước Giáng Sinh. Tôi còn ngây thơ nhưng đã biết đủ để cảm thấy tình trạng báo động. Tôi không dấu được trạng thái căng thẳng đầu óc với Má tôi lâu.

Bởi thế, quả là một sự ngạc nhiên và phần nộ cho Ba Má tôi và với sự kinh hãi của gia đình cậu sinh viên, người yêu của tôi, vào đầu năm 1956, và chỉ qua một lần gần gũi duy nhất với cậu ta, tôi, một thiếu nữ chưa đến 17 tuổi đã có mang!

Tình trạng còn tệ hơn cho tôi và Ba Má tôi là sự vắng mặt của cậu thanh niên. Cậu đã trở về Huế vào tháng 12 để tạm thời làm việc trong cơ sở kinh doanh của gia đình, và trong thời gian xa tôi, cậu đã bị gia đình thuyết phục chấp nhận một cuộc thành hôn theo sắp đặt của cha cậu và một gia đình khác giàu có. Cậu đã chấp thuận, ngay cả khi chưa biết tôi đã có thai. Khi cậu còn học ở Sài Gòn, những khi cùng mơ tưởng về chuyện dàn xếp tương lai xa hơn, chúng tôi thường tưởng tượng có thể cùng tiếp tục cuộc sống lúc đó cho đến khi cậu ta học xong, rồi bằng cách nào đó chúng tôi có thể kéo hai gia đình lại với nhau trong chấp thuận và hạnh phúc. Lúc này thực tế đã phá tan ảo tưởng. Cậu thanh niên đã trở về, bị vướng vào một mạng lưới không thể thoát khỏi. Cậu không bao giờ trở lại Sài Gòn hoặc trở về với tôi.

Ba tôi phẫn nộ! Ông phẫn nộ với cậu thanh niên, cảm thấy bị lừa gạt, rồi còn phẫn nộ với tôi hơn, vì cho đứa con gái đại dột của ông đã phản bội ông. Má tôi thông cảm hơn, có lẽ là sự thông cảm của người đàn bà lớn tuổi đối với một người đàn bà trẻ hơn. Đồng thời Má tôi dường như cũng tự trách đã không đoán trước được sự căm dỗ có thể xảy ra khi hai người trẻ thiếu hướng dẫn, thiếu người quan sát lại quá nhiều thời giờ gần nhau.

Ba tôi, vừa suy nghĩ về những điều tiêng, chế giễu từ hàng xóm, vừa xấu hổ với chính mình, đã đuổi tôi ra khỏi nhà. Trong nhiều ngày, tôi đã phải nấp ở một chỗ xây ở phía xa sau nhà, ngủ dưới những bao gạo cũ, và sống nhờ thức ăn Má tôi lén đem cho tôi. Thịnh thoảng, một cụ già hàng xóm cho tôi những trái cây trong vườn nhà cụ. Tôi đi lang thang ngoài đường, đôi khi trào nước mắt và thường đói như chưa bao giờ từng bị đói như thế. Nhiều lúc tôi đứng ngoài tiệm phở, ngửi mùi phở rồi quay đi vì trong túi không có một đồng. Tôi thực sự là kẻ vô gia cư.

Kể từ những ngày cô đơn đó, tôi chưa bao giờ thiếu thông cảm với những kẻ không nhà, thiếu ăn, bất kể vì lý

do gì. Cuối cùng, Má tôi thuyết phục Ba tôi cho phép tôi trở về với gia đình. Nhưng hết ngày này sang ngày khác, ông gần như chẳng nói với tôi tiếng nào, và tôi nghĩ tôi thoát được những trận đòn thường xuyên, chỉ vì Ba tôi biết tôi đang mang thai.

Tôi cố gắng tìm cách thoát ra khỏi khung cảnh khổ sở, phải thường xuyên chịu đựng sự rủa sả của Ba tôi, và tôi phải tự tạo một hình ảnh mạnh mẽ cho mình bằng thành quả của chính bản thân. Bởi thế, vì thoát nhìn chưa ai biết tôi có thai, tôi bắt đầu hát lại ở vài câu lạc bộ địa phương. Việc tôi có thể mang tiền về cho gia đình đã xoa dịu cơn phẫn nộ của Ba tôi, tuy tôi luôn luôn đưa tiền cho Má tôi và hy vọng bà có thể để dành càng nhiều càng tốt.

Sau chỉ một tháng, vì hết sức muốn tách rời cảnh khổ ở nhà và nghe lỏm được những câu chuyện chính trị ở các quán ăn, biết được những thay đổi trong đất nước, tôi cho là tôi có thể có cơ hội đóng góp một phần nhỏ vào hoạt động yêu nước đang ló dạng ở Miền Nam. Tôi nghĩ tôi có thể tham gia một lý tưởng vượt trên những trình diễn nghệ thuật. Những cam kết nghiêm trọng của tôi có thể sẽ cứu vãn được danh tiếng của gia đình tôi, của cá nhân tôi trong làng xóm đồng thời giúp tôi biến dần thành một người đáng trọng.

Tôi biết, chỉ mơ hồ và không chi tiết, về Phủ Đặc Ủy Dân Sự Vụ đã trở thành Bộ Công Dân Vụ có trách nhiệm cung cấp tin tức của chính quyền Sài Gòn cho những người sống ở các quận, các ấp. Chính quyền cho rằng nếu được thông báo rõ ràng hơn, những gia đình ở nông thôn sẽ ủng hộ một chính phủ không cộng sản. Mỗi chiến dịch của đội công dân vụ bao gồm một phần tử diễn kịch và trình diễn thập tùng với cán bộ thông tin lo việc tổ chức và tuyên truyền. Những người hăng hái vận động tiến vào các ấp, các xóm ở Sài Gòn đã đạt đa số phiếu trong cuộc trưng cầu dân ý 1955, thay đổi chính quyền thành một chính thể cộng hòa, lật đổ hoàng đế Bảo Đại để

bầu Ngô Đình Diệm làm tổng thống mới.

Một người bạn ở nhà thờ chúng tôi đã nói với tôi rằng ông Kiều Công Cung, một cựu Việt Minh, đã đệ trình quan niệm và kế hoạch tổ chức cho các đội công dân vụ lên thủ tướng, giờ đây là tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông Cung là người được dư luận nói đến nhiều vì có quá khứ Việt Minh, nhưng ông cũng có tiếng là người thật thà, và đa số đều biết ông Diệm tin ông. Bởi thế, với sự chấp thuận ngần ngại của gia đình, tôi tham gia cái được gọi là Đặc Ủy Phủ Dân Sự Vụ ít lâu sau trở thành Bộ Công Dân Vụ và tham gia những công tác chính trị ở miền quê.

Các cuộc trình diễn, múa hát pha lẫn những kêu gọi chính trị của chúng tôi ở các thủ phủ quận, ở các ấp, sân khấu trình diễn thường được dựng ở những bin-đình được chính phủ tạm thời trưng dụng. Nhưng ở những ấp và những làng, sân khấu thường được dựng sơ sài bằng gỗ và lá dừa dại ở hai bên và phía sau. Nếu có màn, màn sân khấu thường là một tấm vải ni cũ do những người trình diễn tự tay đóng, mở. Chúng tôi được hoan nghênh ở mọi nơi vì người dân muốn có sự giải khuây và thực sự cũng có khá nhiều tò mò về chính phủ mới. Những cuộc trình diễn của chúng tôi, dù chỉ là những tay mơ kém cỏi, vẫn khiến khán giả trẻ, già thích thú.

Một thông điệp chính thường được cán bộ thông tin đưa ra là kêu gọi các cựu Việt Minh kháng chiến và các chiến sĩ Việt Minh trình diện để ghi danh với văn phòng xã hoặc quận của chính phủ. Lúc công tác trong thời gian đầu, khoảng đầu năm 1956, tôi tin một cách rất ngây thơ mục đích của những kêu gọi chỉ để nhìn nhận các người chống thực dân yêu nước và giúp họ tránh khỏi mọi sự vu cáo, buộc tội họ là thành phần băng đảng. Vì thế, tôi đã bối rối khi thấy đa số gia đình đều không hưởng ứng lời kêu gọi ghi danh của chúng tôi và đôi khi tiếng loa kêu gọi của chúng tôi lại được đáp lời bằng tiếng súng, có lẽ chỉ là tiếng súng biểu tượng. Mỗi khi sợ hãi vì tiếng súng, tôi đã

tự trấn an đó chỉ là sự lộn xộn của một quốc gia đang trong những ngày mới có độc lập. Rồi đây mọi sự sẽ dần dần sáng tỏ.

Làm việc ở các tỉnh và các ấp đánh động lại những ký ức về thời ấu thơ ngắn ngủi của tôi ở Trà Vinh. Tôi nhớ những dân quê ở các quận tuy nghèo, nhưng thường rộng lòng chia sẻ với nhau hoặc với những khách đến thăm những thứ họ có. Dân quê vẫn phải chịu đựng các hậu quả của 15 năm chiến tranh và những bất nhất trong chính sách của một chính phủ mới vẫn đang tự tổ chức.

Nhiều tuần nhanh chóng trôi đi. Khi qua lại các tỉnh, giữa lúc đang háo hức với công việc, tôi bắt đầu cảm thấy sự thay đổi về thể trạng do mang thai đã sáu bảy tháng. Người tôi lên cân, vô cùng khó chịu và tôi thấy hiểu biết quá mù mờ về những thay đổi đang xảy ra trong người. Tôi cảm thấy cần phải về nhà. Má tôi che chở, giúp tôi thoát khỏi những cơn thịnh nộ của Ba tôi, và cùng đi với tôi trong những cuộc đi bộ chậm chạp hàng ngày quanh xóm. Má khuyên tôi ráng chịu đựng và chấp nhận mọi sự đau đớn không thể tránh khỏi của những người đàn bà khi sinh nở.

Con gái đầu của tôi, Nguyễn Thị Lệ Thu, ra đời ở bệnh viện Sài Gòn ngày 20-8-1956, sau gần một ngày đau đớn, khi tôi chỉ vừa quá 17 tuổi. Giấy khai sinh của con tôi ghi nghề nghiệp của tôi là “*cán bộ dân sự vụ của chính phủ.*” Các y tá đã báo cho Má tôi biết với sự ngạc nhiên, rằng khi khám thai, họ thấy màng trinh của tôi vẫn còn nguyên. Bởi thế đây là sự sinh nở của một trinh nữ, họ tin, và có thể là của một sự sinh nở có tính cách linh thiêng gì đó. Nhưng chắc mọi người cũng hiểu việc sinh nở khác thường chẳng dính gì đến việc của các thần linh. Chẳng biết có thiêng liêng gì không, nhưng ngay từ phút đầu Lệ Thu là đứa bé yếu đuối, đã phải cố gắng để thở. Trong nhiều tháng, tôi đã phải luôn ở cạnh con và về sau con tôi còn cần phải có sự theo dõi đặc biệt và chữa trị của bác sĩ

suốt nhiều năm. Năm 1970 và 1971, khi đang ở tuổi mới lớn, Lê Thu đã phải nhập viện ở bệnh viện Gralle và đã nhiều tháng phải bó bột từ cổ đến hông.

Vài tuần sau ngày Lê Thu ra đời, cha của cậu học sinh vắng mặt – người tình cũ của tôi – đến thăm gia đình tôi ở Sài Gòn. Ông là người “bướng bỉnh.” Ông khước từ mọi liên hệ với dòng máu của chính con trai ông. Có thể ông sợ tôi sẽ mó tay vào công ty nước mắm đang thành công của gia đình ông. Ông nói ông chỉ chấp nhận một điều kiện duy nhất để con trai ông có thể chọn lựa. Con trai ông sẽ được cho phép nhìn nhận con gái của cậu, nhưng nếu chọn điều đó, cậu sẽ phải từ bỏ gia đình cậu.

Đây quả là một chấp nhận hiền từ! Sự chấp nhận nhỏ nhoi đó, một mệnh lệnh ác độc, đã khiến Ba Má tôi phần nộ vì sự khinh thường của ông đối một gia đình người Nam như gia đình chúng tôi. Có lẽ vì cảm thấy xấu hổ, và cũng muốn nhìn nhận một phần trách nhiệm của gia đình ông, vị khách đã đưa tôi một gói tiền.

Đó phải chăng là một sự suy nghĩ kiêu ngạo, cho là ông có thể mua chúng tôi bằng tiền? Hay một hành động để xoa dịu những hổ thẹn mà cá nhân ông đã khéo giấu giếm? Tuy không bao giờ được biết rõ, riêng phần tôi, không bao giờ có chuyện tôi hạ mình hoặc năn nỉ để xin được ông ta chấp nhận.

Tôi không bao giờ chấp nhận đánh đổi giá trị của con gái tôi với bất cứ khoản tiền ban phát có tính cách bề trên nào. Bởi thế, tôi nhét tiền vào tay ông trở lại.

Tôi không cho phép ông, và lẽ ra ông nên biết trước, không nên sỉ nhục tôi và gia đình tôi bằng cách dùng tiền để mua một cuộc đời mà ông cho chỉ là một sự bất tiện. Ba tôi, tuy thường tham lam, đã bảo vị khách giữ lại tiền và mời ông ra khỏi nhà chúng tôi.

Khi trở lại nhà, trong những tháng cuối mang thai, và sau khi chăm sóc cho Lê Thu, tôi đã cố gắng học hết Trung Học. Má tôi là một vị thiên thần chăm sóc cho

cháu. Lê Thu được chăm sóc thuốc men tận tình, đã bắt đầu khỏe và tôi lại có thể đi hát để kiếm tiền trang trải mọi thứ chi phí. Nhưng tôi cảm thấy nhớ những cảm giác mạo hiểm, độc lập trong các công tác hoạt động Dân Sự Vụ khi trước. Bởi thế, với sự đồng ý của gia đình, tôi lại tham gia chương trình cán bộ của chính phủ và lại một lần nữa công tác ở miền quê.

Khi công tác vào đầu năm 1957, tôi thấy ngay, và thấy rõ hơn nhiều, sự khác biệt giữa Sài Gòn và các tỉnh. Người dân ở thủ đô bắt đầu ăn mặc đẹp đẽ, thường mua hàng dọc theo các con lộ chính trong phố, và có vẻ giàu. Nhưng những dòng viện trợ và những hàng hóa nhập cảng đưa đến sự khác biệt ở Sài Gòn chẳng đem lại ảnh hưởng gì ở những vùng thôn quê nghèo. Nếu so với tiêu chuẩn ở miền Nam, người dân sống bám rễ vào các ấp ở miền Trung đều nghèo. Họ có vẻ thiếu ăn. Áo quần thường xơ xác và có chỗ vá. So với khán giả ở các tỉnh khác, khán giả đến xem các cuộc trình diễn văn nghệ ở Bình Định, Quảng Ngãi, Quảng Trị thường quá tuyệt vọng, quá khổ. Những khi họ tìm đến tôi sau buổi trình diễn, sự khổ cực của họ khiến tôi đã động lòng. Tôi đã tặng họ quần áo và tất cả số tiền tôi có thể cho.

Chẳng bao lâu sau, va-li của tôi trở thành trống trải và túi đeo vai của tôi nhẹ tênh. Tôi cần mua một số vật dụng, nhưng gần như chẳng còn đồng nào. Người quản lý đoàn hát đã chú ý sự khốn khó của tôi. Anh ta hứa sẽ cho tôi tiền nếu tôi ngủ với anh ta trong khi công tác. Trước đây ở Sài Gòn, sau một cuộc trình diễn cho tổng thống Diệm, có lần có người lãnh đạo cao cấp mò người tôi. Tôi đã giải quyết chuyện đó bằng cách khiêu nại thẳng với ông Kiều Công Cung. Lúc này, tuy xa thủ đô và xa vị lãnh đạo cao cấp đạo đức đó, tôi vẫn nhất quyết không để các nhân viên thấp túng lợi dụng. May thay, những người bạn cùng trình diễn đã chú ý và tự quyên tiền cho tôi mượn để đủ dùng cho đến khi nhóm chúng tôi trở về Sài Gòn.

Trong mọi công tác dân sự vụ ở Cao Nguyên, nếu phải tiếp xúc gần gũi với những bộ lạc tại các vùng đồi núi, chúng tôi lúc nào cũng gặp khó khăn. Sự khác biệt về ngôn ngữ hết sức sâu rộng. Lúc đó, hơn sáu mươi năm về trước, số người Việt nói được tiếng Ra-Đê, Ja-Rai, Ba-Na, Se-Đang hoặc ngôn ngữ của những bộ lạc khác rất ít. Đây không phải chỉ là vấn đề khác giọng giữa các địa phương có cùng ngôn ngữ, chẳng hạn như giọng Bắc và giọng Nam mà là một hố sâu khác biệt giữa ngôn ngữ sử dụng dấu để chuyển giọng khi nói của người Việt và ngôn ngữ không sử dụng dấu của người Khmer hoặc các ngôn ngữ bắt nguồn từ tiếng Mã Lai. Chúng tôi có thể nói tiếng Pháp với các tù trưởng để họ chuyển thông điệp từ chúng tôi đến dân trong bộ lạc, nhưng sử dụng ngôn ngữ của thực dân để nhấn gửi những ý tưởng mới về chính trị và độc lập hình như không ổn.

Giữa người Việt và người Thượng ở cao nguyên miền Trung luôn có khác biệt chính trị quan trọng, tương tự căng thẳng giữa người Cam Bốt và người Việt ở các tỉnh vùng đồng bằng Cửu Long. Vấn đề căn bản là mâu thuẫn trong vấn đề chủ đất và sử dụng đất. Mâu thuẫn này bị phức tạp hóa vì những thành kiến của người Việt về người dân thiểu số và những căm hận của người Thượng. Trước đây, thực dân Pháp lập ban điều hành riêng cho những vùng đồi núi và cao nguyên. Những ban điều hành này hoạt động khác với những ban điều hành tại các vùng khác trong nước. Sau khi đa số những công ty kinh doanh của Pháp rút đi, chính phủ mới, mở những vùng đất ở cao nguyên cho người Việt Nam đến định cư và cho các công ty thương mại Việt Nam hoạt động. Năm 1954, việc này đặc biệt có lợi cho người miền Bắc di cư nhưng lại khiến người Thượng thuộc các bộ lạc Thượng sống ở vùng cao nguyên phần uất vì nghĩ người Việt đã lấn đất của họ.

Tháng 2-1957, một nhóm dân sự vụ được chọn tháp tùng tổng thống Diệm và các viên chức cao cấp đến Ban

Mê Thuật, một tỉnh chính của vùng Ra-Đê, với tính cách viêng thăm nghi lễ. Phái đoàn của tổng thống đi trên một máy bay đặc biệt. Tất cả diễn viên trong đoàn Dân Sự Vụ, thông tin, điện ảnh bay trên một chiếc C-47 khác — thường là máy bay chở lính — với hai hàng ghế vải không mấy thoải mái, nhưng có khoảng trống rộng ở giữa có thể để nhạc cụ và máy ảnh. Chúng tôi, những ca sĩ và nghệ sĩ múa được cho biết nên mặc y phục gằn giống, theo con mắt người Việt, y phục của người Thượng. Trên đường bay đến Ban Mê Thuật, tôi tự hỏi chẳng hiểu khi thấy chúng tôi mặc như thế, những người dân Ra-Đê đến tham dự nghi lễ ở Ban Mê Thuật sẽ nghĩ thế nào?

Vui vì được tán dương? Bực vì thấy bị xúc phạm? Buồn cười? Hay họ đã quá quen với sự khinh thường của người Việt, và y phục của chúng tôi chẳng qua chỉ là một sự si nhục khác trong số quá nhiều n si nhục và chẳng ai thêm để ý?

Những suy tưởng của tôi bị cắt đứt khi chiếc máy bay cũ kỹ của chúng tôi đáp xuống trước chiếc máy bay chở tổng thống Diệm. Chúng tôi lập tức đi ngay đến chỗ nghi lễ để đoàn hát Sài Gòn kịp trình diễn một màn chào đón diễm lệ đón mừng tổng thống và phái đoàn đi theo ông. Mặc y phục như đã được hướng dẫn, chúng tôi sẽ xuất hiện trên cuộn phim quốc gia như người dân Thượng háo hức. Nhưng vì là những người đến đầu tiên, chúng tôi, những nghệ nhân trình diễn, được đón chào bằng các điệu nhạc của chính người Ra-Đê, với một nhịp lập đi, lập lại nhưng du dương của những tiếng công đu mọi kích thước, âm thanh nghe như nước đang từ trên cao trút xuống dòng va vào đá lớn.

Chúng tôi nhanh chóng dàn hàng theo như trình tự xuất hiện, trình diễn và bắt đầu tiến lên khi tổng thống và phái đoàn tiến đến. Chúng tôi chào ông, tất cả tản ra xung quanh gằn như một vòng tròn, và tôi nhớ đã thăm nghĩ trông phong cách tổng thống Diệm có vẻ niềm nở và thân

thiện. Bất thành linh, một người đàn ông, tôi biết chắc là người Việt, rút súng bắn vào tổng thống.

Thật không ngờ, những nghệ sĩ, ca sĩ chúng tôi lại vô tình là tấm chắn gần như những cận vệ quanh ông!

Sự hỗn loạn bùng ra ngay lập tức.

Tiếng gào, tiếng hét thất thanh, nhưng những cận vệ của tổng thống phản ứng khá nhanh, chạy qua vòng tròn các nghệ sĩ đang vây quanh, chụp vai tổng thống và đưa ông ra xa. Tổng thống Diệm không hề gì, nhưng một viên chức thấp tầng ông bị thương.

Phần chương trình còn lại bị hủy bỏ và mọi người được đưa trở lại phi trường để quay về Sài Gòn ngay.

Tôi biết tổng thống Diệm không hoàn toàn được ủng hộ. Tuy ông được kính trọng vì đã dẹp được nhóm Bình Xuyên, tuy cuộc trưng cầu dân ý năm 1955, giải thể sự cai trị của hoàng đế Bảo Đại và tuyên bố một chính phủ Cộng Hòa được hoan nghênh, nhưng dân chúng vẫn có ấn tượng ông là một nhân vật xa vời, không gần gũi với họ. Hơn nữa, thay vì thay thế lá cờ Bảo Đại - Pháp, ông vẫn giữ lại lá cờ của chính quyền bù nhìn đó. Việc này khiến một số người cho là ông chưa hoàn toàn đoạn tuyệt với quá khứ.

Chẳng bao lâu sau, theo lời mời của tổng thống Eisenhower, ông Diệm sang thăm Hoa Kỳ. Đối với người Việt cam kết với một cá thể tách biệt với miền Bắc cộng sản, sự ủng hộ của Mỹ là một điều hết sức quan trọng.

Câu hỏi mấu chốt nhất đối với nhiều người, kể cả tôi, là: Có nhân vật lãnh đạo nào có thể kêu gọi được tất cả, hoặc ít ra là đa số những nhóm khác biệt trong một quốc gia mới đang được ổn định không? Tổng thống Diệm đã đem lại một sự lãnh đạo cương quyết, và có thể nói là mạnh bạo. Ông đã “châm ngòi khởi động” quốc gia, nhưng một số người chỉ trích cho rằng việc “châm ngòi” khởi động đó đa số chỉ nhằm vào việc đàn áp những kẻ đối đầu hoặc có tiềm năng đối đầu với ông. Vài người trong gia đình ông, nhất là hai em ông, Nhu và Cần, là hai

người được nhiều người nói đến, và có thể không ưa, vì tuy không được bầu vào bất cứ chức vụ nào, họ lại có ảnh hưởng và gần như có thẩm quyền quyết định. Riêng tôi vẫn còn kinh hãi, khiếp người nhiều tuần vì đã ở quá gần cuộc ám sát tại Ban Mê Thuột.

Tôi chẳng có bất kỳ mối liên hệ chính trị nào dù chỉ là những mối liên hệ mong manh nhất. Nhưng tôi đang sống và làm việc trong một xã hội đang bị chính trị hóa, đang nghe bàn tán của những người xung quanh, nhạy cảm với những điều kiện và ý kiến ở Sài Gòn. Quan trọng hơn nữa, trong thời gian gần đây, tôi lại vừa quan sát một số tình và áp. Tôi thấy dường như ý định, và sự quan tâm đặc biệt của tổng thống Diệm và Kiều Công Cung với những việc ở thôn quê đã thay đổi khá nhiều vào cuối năm 1956 trong thời gian tôi ở nhà.

Trước đây, khi chương trình công dân vụ ủng hộ trung cầu dân ý để chấp thuận một chính thể cộng hòa thay thế cho sự cai trị của đế quốc, lật đổ Bảo Đại, gia đình tôi và đa số người quen đều cho điều đó chẳng thể có gì sai. Đưa một hoàng đế ăn chơi ra khỏi chính trường có lẽ là điều ai cũng muốn. Trước đây khi công tác, tuy biết nhận diện các cựu Việt Minh là việc cần, tôi chưa biết những người tự ra đầu thú hoặc bị tố cáo gần như lúc nào cũng bị bắt. Lúc này, từ cuối năm 1957 sang năm 1958, tuy chỉ là một phần tử nhỏ trong chương trình công dân vụ, tôi cảm thấy phần lớn cuộc sống của tôi đã thay đổi. Công tác của tôi là kêu gọi sách động chứ không phải thông báo. Sự chuyển hướng chú tâm còn bị phức tạp hóa thêm vì những khác biệt của các miền và của xã hội.

Lúc đầu chương trình Công Dân Vụ, việc chính phủ muốn bảo đảm mọi người được gửi đi vận động ở thôn quê đều hoàn toàn trung thành với chính phủ mới là việc có thể hiểu được. Đưa những người Bắc di cư trốn cộng sản, mới vào Nam, đa số là dân công giáo, vào làm việc trong guồng máy chính phủ lúc đầu có vẻ là cách bảo đảm

sự trung thành. Nhưng về sau, những người miền Nam chúng tôi thấy ưu thế của người Bắc sẽ tự có đà phát động. Vì bản thân là người Công Giáo, tôi không xem căn cước tôn giáo là một vấn đề. Nhưng những khó khăn, hiểu lầm trong sự tiếp xúc Bắc, Nam vẫn hiện diện. Sự khác biệt giữa tiếng Bắc và tiếng Nam, không chỉ là vấn đề phát âm mà còn có cả khía cạnh văn hóa rất khác nhau. Đôi khi, những cuộc nói chuyện giữa người ở tỉnh Sa Đéc miền Nam và người tỉnh Hòa Bình miền Bắc dù cả hai cùng có thiện chí, vẫn có sự hiểu lầm. Giữa những người Bắc kiên quyết đã bỏ tài sản, bỏ gia đình để vào Nam, và những người Nam cảm thấy có nhu cầu bảo vệ thân nhân có thể là những lính Việt Minh, vấn đề thiện chí thường rất thiếu.

Có hai loại công tác Dân Sự Vụ được chỉ định.

Công tác dễ nhất là tháp tùng một đại biểu cao cấp chính phủ trong những chuyến thăm một vùng quân sự hoặc một tỉnh và chính thức trình diễn. Loại thứ hai, quan trọng hơn mà chúng tôi gọi là công tác đặc biệt. Công tác đặc biệt này là công tác đưa chúng tôi vào những ấp nơi chúng tôi trở thành một phần của chiến dịch kêu gọi dân chúng kháng định trung thành với chính phủ và tố cáo cộng sản. Những chiến dịch này đang ngày càng nhiều.

So với trước đây, lúc này tôi cảm thấy Dân Sự Vụ hay Công Dân Vụ đang trở thành dụng cụ tố cáo và hăm dọa chứ không phải kêu gọi ủng hộ cho chế độ cộng hòa. Trên đường công tác, những người lãnh đạo thường hành xử như thể nhiệm vụ duy nhất của họ là nhận diện kẻ không thân thiện với chính phủ. Nếu các chính sách đưa ra không được diễn giải một cách thuyết phục và nếu các chính sách đó chẳng đem lại bổng lộc gì cho các gia đình nông dân nghèo, chúng tôi thấy chẳng có động lực gì khiến họ phải mạo hiểm liều lĩnh cả sinh mạng để theo về với chính phủ.

Tuy chưa biết chắc những ưu tư chính trị thực sự phải là gì, tôi bắt đầu suy nghĩ một cách thực tế và bắt đầu

đặt câu hỏi. Tuy chỉ là một diễn viên trẻ, tôi vẫn có cơ hội trình bày suy nghĩ với Kiều Công Cung. Ông cũng là một người miền Nam, luôn thân thiện và hành xử đáng kính. Nhưng chẳng bao lâu sau, ông thường bị bệnh, phải về hưu ở nhà và vài năm sau đó ông qua đời. Vì chẳng còn cách nào để trình bày quan điểm cá nhân và cũng sợ bị cho là không trung thành, từ lúc đó trở đi, tôi quyết định không nhận công tác đặc biệt đến trình diễn ở các ấp nữa. Những khi không thể từ chối khéo, tôi chỉ trình diễn ở các chương trình chính thức.

Tôi dành thời giờ vào việc trình diễn ở những câu lạc bộ Sài Gòn, xây dựng danh tiếng, và kiếm tiền giúp đỡ gia đình. Nhờ đó, tôi có thể có thêm tiền để trang trải phí tồn chữa trị cho Lê Thu ở bệnh viện Gralle.

Lê Thu là đứa trẻ lúc nào cũng ốm, yếu và lừ đừ. Lúc này, dù đã hơn hai tuổi, dù đã được Má tôi và tôi hết sức chăm sóc, Lê Thu vẫn yếu ớt hơn những đứa bé ở “tuổi nghịch phá” rất nhiều. Bé đã được chữa trị ở một nhà thương ngoại quốc hạng nhất, đắt đỏ ở Sài Gòn, nhưng trông vẫn như một đứa trẻ thiếu ăn, bụng ỏng, chân tay gầy đét. Những thử nghiệm liên tục cuối cùng cho biết tình trạng là do đường tiêu hóa và đường ruột bất thường. Chứng bệnh đó còn bị phức tạp thêm vì bé yếu xương và yếu cột sống. Sáu năm sau đó của bé là sáu năm đầy đau khổ. Bé phải chịu đựng nhiều cuộc giải phẫu và phải bó bột từ cổ đến hông. Tôi đã phải trả giá đắt cho cả tài chánh lẫn tinh thần.

Má tôi là một vị thiên thần đã liên tục chăm sóc Lê Thu trong khi tôi đi hát mỗi tối để kiếm tiền trang trải mọi thứ. Nếu so với mức phát triển trong kỹ nghệ điện ảnh Hồng Kông thì kỹ nghệ điện ảnh Việt Nam với một số hãng phim nhỏ hơn nhiều, chỉ đang thành hình.

Vào năm 1957, mới 17 tuổi, tôi là một tài tử, tuy không phải tài tử chính trong phim *Người Đẹp Bình Dương*. Vai tôi đóng là một vai ác. Quá khó chịu khi phải

đóng vai ác đó, tôi đã quyết định tránh đóng phim một thời gian. Đôi khi tôi cũng tự hỏi, nếu cuộc tình lãng mạn của tôi với cậu học trò ở trọ suông sẽ từ những ngày ngây thơ vụng dại ban đầu cho đến lúc thành vợ, thành chồng, chẳng hiểu đời tôi sẽ ra sao?

Ngày tôi đồng ý ra Huế trình diễn cùng đoàn nhạc kịch Kim Cương cũng là cơ hội gặp gỡ lần cuối của tôi với người cha của Lệ Thu. Đối với cả hai chúng tôi, đây là sự thử nghiệm để xem mức độ tình cảm còn sót lại đang ở mức độ nào? Chúng tôi thu xếp để gặp nhau ở văn phòng kinh doanh của gia đình cậu học trò. Đây là một cuộc gặp gỡ nhiều cảm xúc trong một khung cảnh trụi trụi. Chúng tôi cùng nói chuyện về những điều đáng nhẽ đã xảy ra. Cậu nói, lúc này cậu đã đồng ý rời gia đình và từ bỏ gia sản để cùng sống với tôi. Nhưng tôi nói đó không phải là cách giải quyết ôn hòa, vì cậu đã nhận lời đính ước với một người đàn bà khác. Hơn nữa, nếu cắt bỏ liên hệ với gia đình, chắc chắn về sau cậu sẽ có sự hối hận sâu đậm, rồi cậu sẽ oán trách tôi và Lệ Thu. "*Chúng ta phải buông bỏ quá khứ*", tôi nói. Để có kỷ niệm cho cuộc tình trong quá khứ, cậu xin tôi một nụ hôn cuối. Phần tôi, chỉ cảm thấy có một khoảng trống trong tim nên đã nói với cậu rằng chúng ta tuyệt đối không nên tiếp tục bất kỳ sự liên hệ nào. Sáng sau chúng tôi chia tay.

Tôi cùng trở về Sài Gòn với đoàn trình diễn và chúng tôi chẳng bao giờ gặp lại.

Ngô Đình Diệm là vị tổng thống tự lập của miền Nam Việt Nam. Gia đình ông đã hậu thuẫn ông không chỉ đơn thuần bằng tình cảm. Ông Thục, anh ông, giám mục và rồi tổng giám mục, có ảnh hưởng lớn rộng đối với bất kỳ vấn đề gì ông lưu ý. Ông Cảnh, em ông, được coi như lãnh chúa ở Huế. Ông Nhu, một người em khác, tổ chức nhân viên chính phủ và những người đề ý đến chính trị thành một phong trào gọi là Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia trong đó Cận Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng là một

đăng bí mật đứng sau điều động. Theo truyền thống quốc gia, thành viên của cả hai tổ chức gần như đều là đàn ông. Nhưng bà Trần Lệ Xuân, vợ ông Nhu, dần dần tổ chức một tổ chức tương tự, hơi có vẻ đối lập là Phong Trào Liên Đối Phụ Nữ. Đây là một phong trào ủng hộ tổng thống Diệm, nhưng cũng nêu lên những ưu tư của phụ nữ theo sự hiểu biết và định nghĩa của bà.

Tuy vẫn còn rất trẻ, tôi đã trải qua kinh nghiệm bạo hành trong thời thơ ấu và đã chứng kiến những vấn đề thôn quê mà cộng sản có thể lợi dụng. Ở Miền Nam, tổng thống Ngô Đình Diệm tuyên bố: Việt Nam Cộng Hòa sẽ không tham gia các cuộc bầu cử tưởng tượng mà những người ngoại quốc ở hội nghị Geneva năm 1954 cho là sẽ xảy ra năm 1956.

Việc đã hiển nhiên là đất nước sẽ bị chia cắt ít nhất là một thời gian dài. Nền Cộng Hòa trẻ của Việt Nam sẽ cần phải có quân đội để chuẩn bị bảo vệ một cá thể Miền Nam riêng rẽ.